

Số: 312 /HABECO-VP.HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (HABECO)

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BHN

- Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024 38453843 Fax: 024 37223784

- E-mail: Habeco@habeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 14/4/2026 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2025.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Trường Thắng



HABECO

Sức bật Việt Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TIẾP NỐI TINH HOA



TIÊN PHONG BỨT PHÁ

MỤC LỤC

01

PHẦN MỞ ĐẦU

- 06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08 Danh mục từ viết tắt

02

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- 13 Thông tin khái quát
- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 24 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 26 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 40 Định hướng phát triển
- 44 Các rủi ro

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 48 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 50 Tổ chức và nhân sự
- 54 Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 57 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- 58 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 62 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 62 Giải pháp đã thực hiện 2025
- 70 Tình hình tài chính
- 72 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 73 Kế hoạch phát triển năm 2026
- 79 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 82 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 83 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 84 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 89 Hội đồng quản trị
- 96 Ban kiểm soát
- 102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

07

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 106 Tiêu thụ nước
- 107 Tác động lên môi trường - phát thải khí nhà kính
- 108 Về quản lý nguồn nguyên vật liệu
- 108 Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- 109 Tiêu thụ năng lượng
- 110 Chính sách liên quan đến người lao động
- 113 Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

- 116 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 118 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 120 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 124 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 125 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 127 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



01

PHẦN MỞ ĐẦU

- 06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08 Danh mục từ viết tắt

Thông điệp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên của HABECO!



Trước hết, thay mặt Ban lãnh đạo HABECO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên đã luôn tin tưởng, đồng hành và gắn bó với HABECO trong suốt thời gian qua.

Năm 2025 là một năm đặc biệt với nhiều dấu mốc trọng đại của dân tộc, như kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Những sự kiện này càng khơi dậy niềm tự hào dân tộc và lòng biết ơn sâu sắc đối với các thế hệ cha ông đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Trên hành trình 135 năm hình thành và phát triển, 67 năm phục hồi, xây dựng và trưởng thành, HABECO tự hào khi luôn gắn liền với các giai đoạn lịch sử của đất nước. Khởi nguồn từ Nhà máy Bia Hommel do người Pháp xây dựng năm 1890, đến năm 1958, HABECO đã sản xuất thành công chai bia đầu

tiên do người Việt Nam làm chủ. Trải qua các thời kỳ chiến tranh, bao cấp, đổi mới và hội nhập, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, các thế hệ lãnh đạo và người lao động HABECO luôn nỗ lực vượt khó, không ngừng đổi mới để khẳng định vị thế trên thị trường. Từ một nhà máy nhỏ với thiết bị còn lạc hậu và sản lượng khiêm tốn, đến nay HABECO đã trở thành thương hiệu mạnh của Việt Nam, biểu tượng văn hóa của Thủ đô và là Thương hiệu Quốc gia được người tiêu dùng tin yêu.

Trong suốt quá trình phát triển, HABECO luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Đồng thời, HABECO đặc biệt quan tâm đến phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh doanh với bảo vệ môi trường, xây dựng thương hiệu bền vững và thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

Năm 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu tác động từ thời tiết bất lợi, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh, chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu gia tăng, đặc biệt giá vỏ lon tăng khoảng 7,7% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, ngành bia tiếp tục đối mặt với mức độ cạnh tranh cao, cùng với việc siết chặt kiểm soát nồng độ cồn đối với người tham gia giao thông đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ toàn ngành.

Trước những khó khăn, thách thức đó, HABECO đã chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả, qua đó đạt được những kết quả tích cực trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Kết thúc năm tài chính 2025, HABECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tăng trưởng so với cùng kỳ.

Những kết quả đạt được là minh chứng cho tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên HABECO, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước, sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và các tổ chức liên quan.

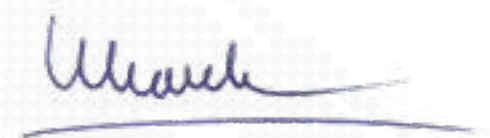
Tiếp nối thành công đó, HABECO xác định các định hướng chiến lược trọng tâm trong năm 2026:

- Nâng cao sức cạnh tranh, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo;
- Giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần tại thị trường miền Bắc, phát triển mở rộng thị trường miền Trung và miền Nam;
- Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang Thương hiệu Quốc gia, đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Xin kính chúc Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên HABECO sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đình Thanh

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
BHN/ HABECO	Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
BHXH	Bảo hiểm Xã hội
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty Cổ phần
CNTV	Chi nhánh Thương vụ
CIP	Cước phí và bảo hiểm
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐTPT	Đầu tư phát triển
EBIT	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
GDCK	Giao dịch chứng khoán
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
HỆ THỐNG SAP ERP	Hệ thống phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
KCN	Khu công nghiệp
MTV	Một thành viên
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
NVL	Nguyên vật liệu
SKCT	Sáng kiến cải tiến
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt



135 NĂM
BIA HÀ NỘI

**GÌN GIỮ 'TINH HOA
NÂNG TÂM VỊ THỂ**



02

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- 13 Thông tin khái quát
- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 24 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 26 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 40 Định hướng phát triển
- 44 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Tên tiếng Anh	HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION
Tên viết tắt	HABECO
Mã chứng khoán	BHN (niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM - HOSE)
Người đại diện	Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Ngô Quốc Lâm - Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận số 0101376672	Thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 8 năm 2025
Vốn điều lệ	2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng)
Địa chỉ	Số 183, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	024 3845 3843
Số fax	024 3722 3784
Website	www.habeco.com.vn

 TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất bia hàng đầu Việt Nam, đại diện cho niềm tự hào dân tộc, sức bật Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới.

 GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **TRUYỀN THỐNG**
- **ĐOÀN KẾT**
- **SÁNG TẠO**

 SỨ MỆNH

Duy trì và phát triển hơn nữa những giá trị đã được ghi nhận, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường toàn cầu. Với cam kết tạo nên “Sức bật Việt Nam”, HABECO mong muốn không chỉ phục vụ người tiêu dùng những sản phẩm với chất lượng hàng đầu, mà còn lan tỏa tinh thần Việt Nam - bền bỉ, sáng tạo và không ngừng vươn lên.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1890



Tiền thân của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội là Nhà máy bia Hommel được người Pháp xây dựng từ năm 1890, là khởi đầu cho một dòng chảy nhỏ bé cùng song hành với những thăng trầm của Thăng Long - Hà Nội.

1958



Tiền thân của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội là Nhà máy bia Hommel được người Pháp xây dựng từ năm 1890, là khởi đầu cho một dòng chảy nhỏ bé cùng song hành với những thăng trầm của Thăng Long - Hà Nội.

1993



Nhà máy Bia Hà Nội đổi tên thành Công ty Bia Hà Nội và đẩy mạnh quá trình đổi mới thiết bị nâng công suất lên 50 triệu lít/năm.

2003



Ngày 06/5/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) có Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (viết tắt là HABECO).

2008



Từ ngày 16/6/2008, Tổng công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình tổ chức Tổng công ty cổ phần. Dấu mốc 50 năm, khôi phục, xây dựng và phát triển.

2010



Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia công suất 200 triệu lít/năm tại Mê Linh, Hà Nội, với hệ thống thiết bị đồng bộ hiện đại bậc nhất Đông Nam Á đã đưa Tổng công ty đạt công suất 400 triệu lít bia/năm. HABECO trở thành một trong hai Tổng công ty sản xuất bia lớn nhất của Việt Nam. Cũng trong năm 2010, sản phẩm Bia Trúc Bạch được khôi phục.

2013



HABECO đầu tư dây chuyền chiết nước tinh lọc, cũng là năm đánh dấu mốc 55 năm khôi phục, xây dựng và phát triển.

2014



HABECO khởi công dự án dây chuyền chiết lon công suất 60.000 lon/giờ tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh, được hoàn thành vào đầu năm và chính thức đi vào hoạt động năm 2016. Đầu tư xây dựng hệ thống Pilot Plant phục vụ công tác nghiên cứu sản phẩm mới được khôi phục.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP)

2017



Ngày 19/01/2017, HABECO đã chính thức đưa 231,8 triệu cổ phiếu (mã BHN) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Trong cùng năm, HABECO thành lập nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám.

2018



Dấu mốc 60 năm khôi phục, xây dựng và phát triển, HABECO ra mắt nhận diện mới sản phẩm Bia Trúc Bạch.

2019



Tháng 5/2019, HABECO chính thức ra mắt nhận diện mới thương hiệu với Slogan “Sức bật Việt Nam”.

2020



Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội.

2023



HABECO kỷ niệm 65 năm khôi phục, xây dựng và phát triển trên chặng đường gần 135 năm lịch sử thương hiệu.

2024



Năm 2024, HABECO vinh dự là doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận Thương hiệu Quốc gia 7 lần liên tiếp. Giải thưởng này tiếp tục góp phần đánh dấu sự trưởng thành của HABECO, một doanh nghiệp bia nội hàng đầu Việt Nam.

2025



Trên hành trình 135 năm hình thành và phát triển, cùng 67 năm phục hồi, xây dựng và trưởng thành, các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên và người lao động HABECO đã không ngừng nỗ lực, chung sức đồng lòng, viết tiếp những trang sử vẻ vang cho thương hiệu. Niềm tự hào ấy tiếp tục được bồi đắp khi HABECO khẳng định vị thế là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam, từng bước vươn lên tầm cao mới, chinh phục những đỉnh cao mới, góp phần khẳng định đẳng cấp và giá trị của thương hiệu Việt trên thị trường trong nước và quốc tế.

THÀNH TỰU - CHỨNG NHẬN



Vinh danh trong chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam 2025

Trong năm 2025, HABECO được vinh danh trong chương trình Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2025, thuộc Top 10 Thương hiệu uy tín do Tạp chí Kinh tế Việt Nam tổ chức.



Doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận Thương hiệu Quốc gia

HABECO tiếp tục duy trì danh hiệu Thương hiệu Quốc gia Việt Nam, qua đó khẳng định uy tín, chất lượng sản phẩm và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.



Kết quả nổi bật trên mạng xã hội

Các hoạt động truyền thông và xây dựng thương hiệu của HABECO tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực, với chuỗi sự kiện Hanoi Premium Bar và Hanoi Premium House nằm trong nhóm chiến dịch, sự kiện nổi bật trên mạng xã hội trong các giai đoạn cao điểm; thương hiệu Bia Hà Nội nhiều lần được xếp hạng trong các bảng xếp hạng về hiệu suất hoạt động và mức độ dẫn dắt xu hướng trên nền tảng số.

Các danh hiệu và kết quả đạt được là sự ghi nhận cho những nỗ lực của HABECO trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu bền vững và đóng góp tích cực cho cộng đồng và nền kinh tế.

SỰ KIỆN NỔI BẬT

CHUỖI SỰ KIỆN NÉT VĂN HÓA HÀ NỘI

HABECO tổ chức chuỗi sự kiện nhằm tôn vinh và lan tỏa giá trị văn hóa Hà Nội gắn liền với thương hiệu Bia Hơi Hà Nội. Chương trình tái hiện không gian văn hóa đặc trưng của Thủ đô, mang đến trải nghiệm ẩm thực, nghệ thuật và lối sống Hà Nội tới đông đảo người tiêu dùng tại nhiều tỉnh, thành phố.



CHUỖI SỰ KIỆN HANOI PREMIUM BAR

Sự kiện được triển khai tại 6 tỉnh, thành phố, giới thiệu không gian trải nghiệm hiện đại dành cho người tiêu dùng trẻ, qua đó quảng bá sản phẩm Hanoi Premium và mở rộng độ phủ thương hiệu trong phân khúc cao cấp.



SỰ KIỆN HANOI PREMIUM HOUSE 2025

Chương trình xây dựng không gian trải nghiệm cao cấp tại Hà Nội, hướng tới nhóm khách hàng trẻ và hiện đại, qua đó khẳng định định vị sản phẩm Hanoi Premium và nâng tầm hình ảnh thương hiệu.



SỰ KIỆN TÂN NIÊN KHỞI SẮC

Được tổ chức tại Thanh Hóa với các hoạt động âm nhạc, ẩm thực và trải nghiệm sản phẩm, chương trình góp phần gia tăng kết nối với người tiêu dùng và tạo dấu ấn thương hiệu, khép lại năm cũ trọn vẹn và mở ra một năm mới khởi sắc.

SỰ KIỆN LỄ HỘI BIA 2025

Là hoạt động văn hóa thường niên của HABECO nhằm tri ân khách hàng và đối tác. Năm 2025, sự kiện gắn với dấu mốc 135 năm hình thành và phát triển, góp phần quảng bá văn hóa ẩm thực bia Hà Nội và nâng cao hình ảnh Thương hiệu Quốc gia.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SẢN XUẤT BIA VÀ MẠCH NHA Ủ MEN BIA



Bia Hà Nội



Bia Hà Nội
nhãn xanh



Bia Hà Nội
Premium



Bia Hà Nội
BOLD & Light



Bia Trúc Bạch
IPA Craft Beer



Bia Trúc Bạch



Bia Hơi Hà Nội

SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN, NƯỚC KHOÁNG



SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH RƯỢU VÀ ĐỒ UỐNG CÓ CỒN

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



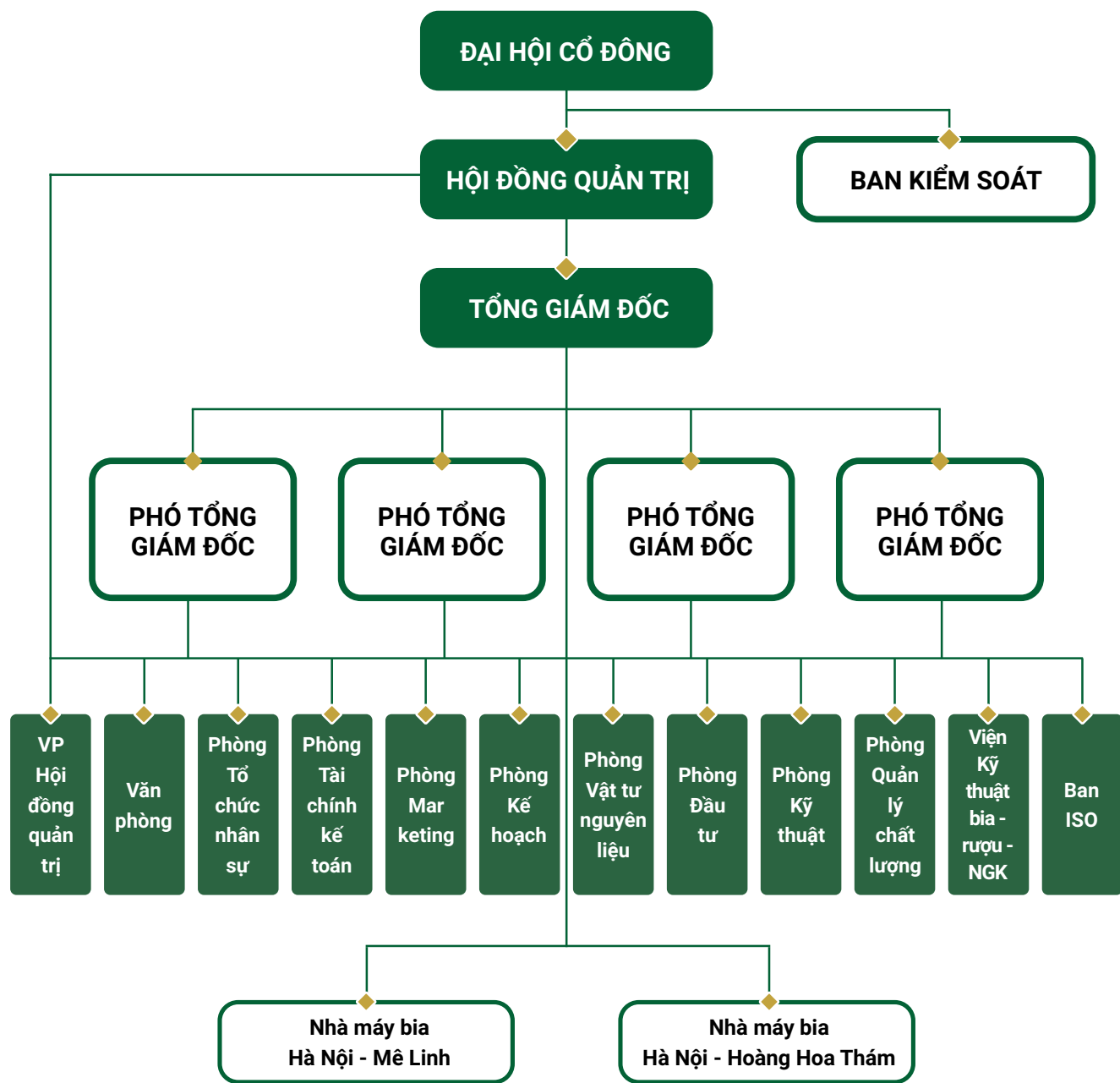
Là doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO định hướng phát triển thương hiệu mang tầm quốc gia, với sản phẩm được phân phối rộng khắp trên toàn quốc. Bên cạnh việc giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần tại thị trường miền Bắc, HABECO đang tiếp tục phát triển mở rộng thị trường miền Trung và miền Nam.

Trong định hướng chiến lược dài hạn, HABECO xác định phát triển thị trường xuất khẩu là một trong những trọng tâm nhằm nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm mang thương hiệu HABECO hiện đã được xuất khẩu tới nhiều quốc gia như Nga, Mỹ, Đức, Anh, Pháp, Đan Mạch, Áo, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Australia, Canada, New Zealand...

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

HABECO được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/5/2013, sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021.



CÔNG TY CON

STT	Tên công ty
1	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO
2	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương
3	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng
4	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định
5	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình
6	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá
7	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình
8	Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát
9	Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An
14	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
15	Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng
16	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

STT	Tên công ty
1	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài
2	Công ty Cổ phần Vận tải HABECO
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HABECO
4	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư & Thương mại
5	Công ty TNHH Thuỷ Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng
6	Công ty Cổ phần Bao bì HABECO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN ĐÌNH THANH

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sĩ Hoá học;
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Số cổ phần đại diện: 85.282.400 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.900 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.



Ông NGÔ QUẾ LÂM

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- Cử nhân Luật;
- Kỹ sư chế tạo máy.

Số cổ phần đại diện: 57.950.000 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Ông VŨ XUÂN DŨNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Sinh học;
- Cử nhân Kế toán.

Số cổ phần đại diện: 23.180.000 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Ông TRẦN THUẬN AN

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.

Số cổ phần đại diện: 23.180.000 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)



Ông BÙI HỮU QUANG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:

• Cử nhân Đại học Thương mại, chuyên ngành Tài chính - Kế toán.

Số cổ phần đại diện: 40.198.200 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

• Giám đốc chiến lược Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam.



Bà QUẢN LỆ HÀ

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:

• Tiến sĩ ngành công nghệ lên men.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Ông TRẦN DANH ĐÁNG

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn:

• Kỹ sư hóa.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Ông PHẠM TRUNG KIÊN

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:

• Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;

• Kỹ sư Công nghệ thực phẩm.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

• Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài;

• Chủ tịch HĐQT CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội;

• Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình;

• Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)



Ông BUI TRƯỜNG THẮNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:

• Cử nhân Kinh tế vật tư.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bía Hà Nội - Thanh Hóa;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bía Hà Nội - Nghệ An;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bía Hà Nội - Quảng Bình;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bía Hà Nội - Quảng Trị.



Bà PHẠM THU THỦY

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán;
- Cử nhân Tiếng Anh.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 50 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.

KẾ THỪA 135 NĂM DI SẢN



BAN KIỂM SOÁT



Bà CHỦ THỊ THU TRANG

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán;
- Cử nhân Quản trị kinh doanh Thương mại.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Ông TRẦN ĐỨC GIANG

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.



Bà THIỀU HỒNG NHUNG

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác: Không.

CÁC CÔNG TY CON

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ đã góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100,00%
2	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, Phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	Số 16 Đường Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%
4	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	Số 5, Đường Thái Bình, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%
5	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	Lô CN1, khu công nghiệp TBS - Sông Trà, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%
6	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá	152 Đường Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%
7	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	TDP 13, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%
8	Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Số 38 Phố Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%
9	Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội	94 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	Số 183, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%
11	Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Lô 20 KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Đường 206 KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%
13	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%
14	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	KCN Quán Ngang, Xã Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%
15	Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng	Thôn Xuân Áng, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%
16	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Khu 1B, Phường Vân Phú, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành hoạt động chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	Số 40, Tổ 1, Phố Kim Bài, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%
2	Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Số 1199, Đường Giải Phóng, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Vận tải	25.000.000.000	28,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HABECO	Số 4A, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	19.291.600.000	45,00%
4	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư & Thương mại	Số 4, Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%
5	Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Số 17A, Phố Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất chai, lọ, bao bì bằng thủy tinh	160.772.505.787	27,21%
6	Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	Số 183, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

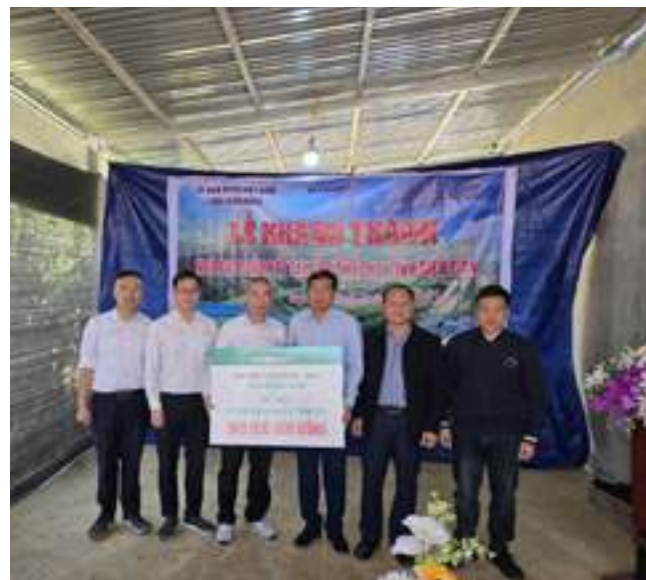
MỤC TIÊU

Khẳng định vị thế dẫn đầu của HABECO tại thị trường phía Bắc, tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường tại Miền Trung và Miền Nam. Tăng cường hoạt động xuất khẩu, nâng cao hình ảnh cũng như mở rộng mạnh mẽ thị trường Bia Hà Nội trên thế giới.



Cam kết hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mang Thương hiệu Quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.

Gia tăng giá trị thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm và dịch vụ của HABECO đến người tiêu dùng.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt chặng đường phát triển, HABECO luôn theo sát định hướng phát triển bền vững. Điều này được thể hiện qua ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa các nguồn ô nhiễm do quá trình sản xuất gây ra.

Thực hiện kế hoạch đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, những năm qua HABECO đã tiến hành thay mới từ nhà nấu, lò hơi đến hệ thống xử lý nước, nuôi cấy men, lên men bằng tank tự động ngoài trời, hệ thống lọc, lạnh, xử lý nước thải...và cải tiến bằng công nghệ hiện đại.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang Thương hiệu Quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Đầu tư, khai thác lợi thế cạnh tranh của nhóm sản phẩm tại từng phân khúc, đại diện cho bản sắc, truyền thống văn hóa của Việt Nam với vị thế Thương hiệu Quốc gia. Truyền thông thương hiệu tập trung gia tăng giá trị cảm xúc đến khách hàng mục tiêu, mở rộng kênh truyền thông để kết nối đến đa dạng các tệp khách hàng khác nhau tại từng tỉnh, thành, địa phương.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ khách hàng, thu hút khách hàng tìm hiểu và sử dụng kênh phân phối mới của HABECO.



Tăng cường việc xuất khẩu Bia Hà Nội đến các thị trường đã khai thác, nâng cao hình ảnh cũng như mở rộng mạnh mẽ thị trường Bia Hà Nội trên thế giới. Theo dõi xu hướng sản phẩm đồ uống và xu hướng bao bì mới nhằm đề xuất cải tiến kịp thời.

Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có; Đa dạng hoá sản phẩm, nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường và sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, đóng góp vào tiến trình xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững với môi trường.



Triển khai đề án chuyển đổi số của HABECO nhằm số hóa các quy trình nghiệp vụ, dữ liệu; tích hợp các quy trình, cơ sở dữ liệu thành hệ thống tích hợp, dữ liệu thống nhất; khai thác tối đa cơ sở dữ liệu để xây dựng hệ thống báo cáo quản trị, lập kế hoạch, dự báo.

Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.



Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức vững mạnh để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành bia, rượu, nước giải khát tại Việt Nam và khu vực, mang đến cho khách hàng các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với chất lượng cao.

CÁC RỦI RO

THỊ TRƯỜNG & CẠNH TRANH

Thị trường bia ngày càng cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của nhiều thương hiệu trong và ngoài nước, cùng với xu hướng tiêu dùng thay đổi.

Giải pháp: Tăng cường nghiên cứu thị trường, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động marketing và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

NGUYÊN VẬT LIỆU

Giá nguyên vật liệu đầu vào (malt, hoa houblon, bao bì...) có thể biến động do ảnh hưởng của thị trường quốc tế.

Giải pháp: Thiết lập nguồn cung ổn định, đa dạng hóa nhà cung cấp và tối ưu hóa chi phí sản xuất.

CHÍNH SÁCH

Các quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn, thuế tiêu thụ đặc biệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Giải pháp: Chủ động cập nhật, tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với chính sách hiện hành.



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ngành đồ uống.

Giải pháp: Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

TÀI CHÍNH

Biến động tỷ giá, lãi suất và chi phí tài chính có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Giải pháp: Quản trị tài chính thận trọng, tối ưu cơ cấu vốn và kiểm soát chi phí.





03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 48 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 50 Tổ chức và nhân sự
- 54 Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 57 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- 58 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện		Kế hoạch 2025	% so với Thực hiện 2024	% so với Kế hoạch 2025
		2024	2025			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	Tỷ đồng	7.364,4	7.683,0	7.471,1	104,3%	102,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	368,8	400,3	228,9	108,5%	174,9%

Năm 2025, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Việc Hoa Kỳ áp đặt các biện pháp thuế quan đối với một số đối tác thương mại đã kéo theo các biện pháp đáp trả từ nhiều quốc gia, làm gia tăng xu hướng bảo hộ và rào cản thương mại toàn cầu. Cùng với đó, những bất ổn và xung đột địa chính trị tại nhiều khu vực tiếp tục ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và hoạt động thương mại quốc tế, khiến chi phí logistics tăng cao và giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động.

Trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động bất lợi từ tình hình thời tiết diễn biến không thuận lợi, mưa bão xảy ra nhiều với mức độ thiệt hại lớn nhất trong nhiều năm gần đây. Bên cạnh đó, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh, trong đó đồng EUR tăng 16,3% và đồng USD tăng 3,2%, đã ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp. Đặc biệt, giá vốn trong năm 2025 tăng khoảng 7,7% so với cùng kỳ, làm gia tăng chi phí sản xuất.

Đối với ngành bia, mức độ cạnh tranh trên thị trường tiếp tục duy trì ở mức cao. Việc kiểm tra nồng độ cồn đối với người tham gia giao thông được thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ, góp phần hình thành thói quen tiêu dùng có trách nhiệm trong xã hội, song đồng thời cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng tiêu thụ của toàn ngành. Trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong ngành đã đẩy mạnh hoạt động truyền thông và triển khai nhiều chương trình khuyến mại với giá trị lớn nhằm thu hút người tiêu dùng, làm cho mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng trở nên gay gắt.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ, nhân viên của HABECO đến thời điểm 31/12/2025 là 509 người, lao động bình quân năm 2025 là 512 người.

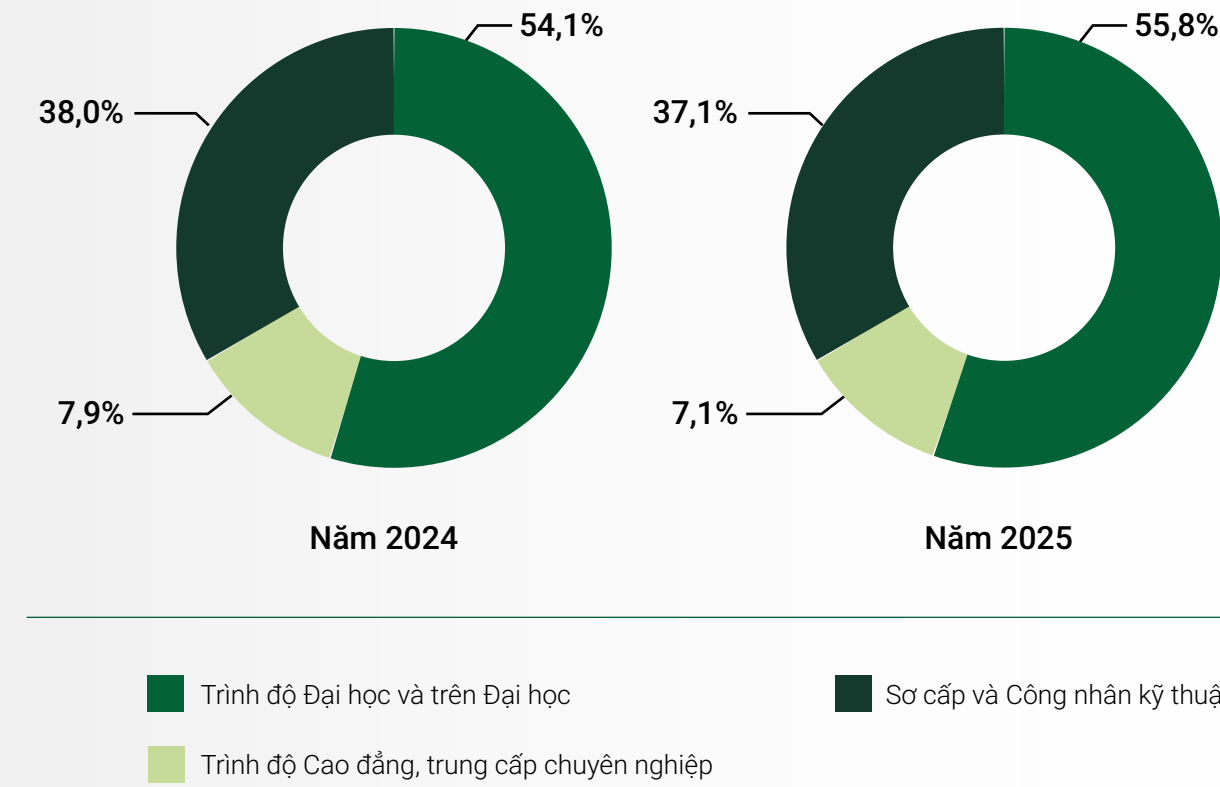
STT	Tiêu chí	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	279	54,1%	284	55,8%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	41	7,9%	36	7,1%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	196	38,0%	189	37,1%
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	273	52,9%	270	53,0%
2	Lao động gián tiếp	240	46,5%	237	46,6%
3	Lao động học việc, thử việc	3	0,6%	2	0,4%
III	Theo giới tính				
1	Nam	329	63,8%	322	63,3%
2	Nữ	187	36,2%	187	36,7%
III	Theo thời gian làm việc tại Công ty				
1	Từ 0 - 2 năm	23	4,5%	19	3,7%
2	Từ 2 - 5 năm	31	6,0%	23	4,5%
3	Từ 5 - 10 năm	51	9,9%	56	11,0%
4	Trên 10 năm	411	79,7%	411	80,7%
IV	Theo độ tuổi				
1	Từ 18 đến 25 tuổi	2	0,4%	7	1,4%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	76	14,7%	58	11,4%
3	Từ 35 trở lên	438	84,9%	444	87,2%
Tổng		516	100,0%	509	100,0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Bổ nhiệm lại Ông Trần Thuận An giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc HABECO nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Quyết định số 18/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 27/3/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty).

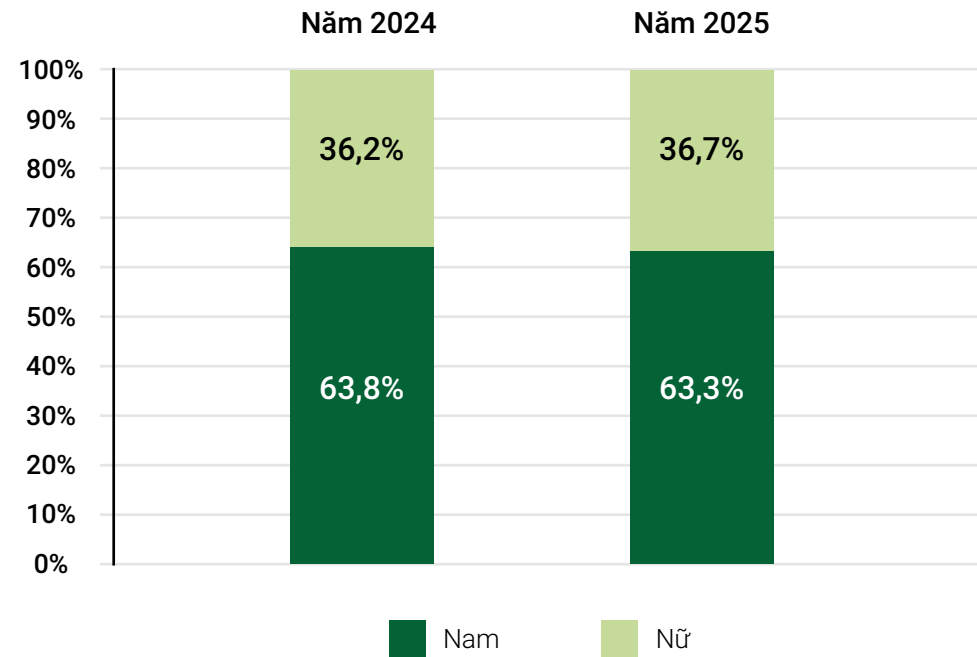


Cơ cấu lao động theo trình độ



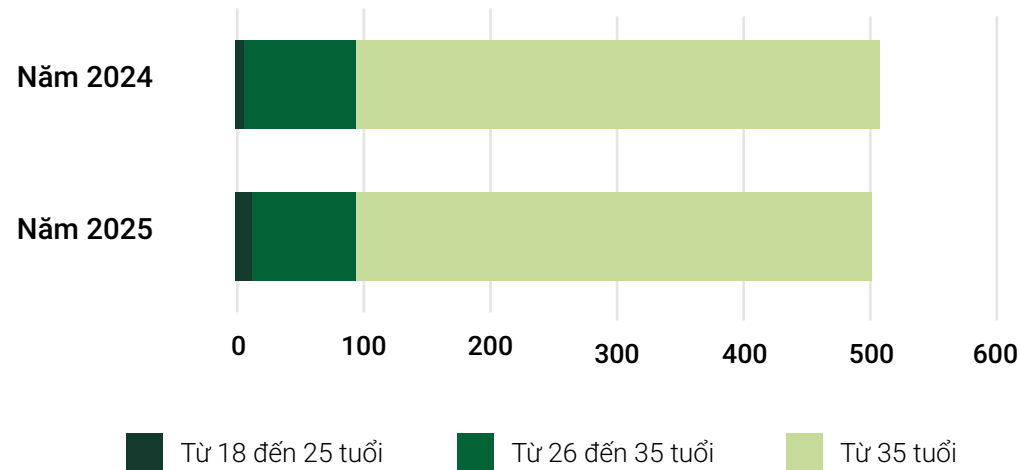
Cơ cấu lao động theo trình độ: Cán bộ, nhân viên của HABECO có trình độ từ Đại học và trên Đại học chiếm tỷ lệ đến 55,8% tổng số lao động, phù hợp với chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, bởi đây là yếu tố then chốt trong sự thành công của HABECO.

Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo giới tính: Cơ cấu lao động theo giới tính của HABECO không có quá nhiều biến động trong 2025 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 35%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của HABECO.

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Cơ cấu lao động theo độ tuổi: Năm 2025, số lượng lao động của Tổng công ty giảm nhẹ so với năm 2024, độ tuổi lao động chiếm phần lớn vẫn là từ 35 tuổi trở lên, có nhiều lao động có thâm niên lâu năm, gắn bó với HABECO.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

HABECO luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

Chính sách tiền lương, thưởng

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chính sách đào tạo

Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Chế độ bảo hiểm

Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Chế độ chăm sóc sức khỏe

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ.

Chế độ phúc lợi

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát...

Các chế độ khác:

CBCNV luôn được Tổng công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



CÁC CÔNG TY CON
VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

CÁC CÔNG TY CON

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	597.710,96	4.471.512,25	33.889,96	26.829,77
2	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	98.367,62	162.846,05	8.739,58	6.943,66
3	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	189.896,11	206.425,86	3.940,78	3.103,99
4	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	36.852,90	52.441,29	1.706,20	1.307,02
5	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	150.552,36	120.347,13	547,12	412,60
6	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá	298.205,49	1.677.568,66	6.116,94	4.263,74
7	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	35.121,79	53.440,58	50,91	50,91
8	Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	34.553,47	37.764,40	1.968,79	1.551,63
9	Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội	365.234,18	121.200,02	(5.348,87)	(5.348,87)
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	221.247,61	1.415.049,46	16.271,28	12.979,22
11	Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	34.172,66	115.212,00	1.112,83	1.011,73
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	402.621,83	421.288,89	28.482,46	22.614,74
13	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	328.654,03	237.668,61	11.803,48	9.294,58
14	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	135.078,55	147.166,31	6.622,52	5.500,71
15	Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng	267.400,22	251.654,96	3.631,08	2.824,75
16	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	174.434,80	201.479,29	20.695,97	16.347,31

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	68.606,25	106.992,97	3.151,43	2.448,63
2	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	87.264,22	140.236,80	6.128,71	4.850,17
3	Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	168.317,46	47.304,75	28.704,09	22.279,05
4	Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	28.003,87	28.274,61	1.098,46	1.098,46
5	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển HABECO	20.912,70	-	(21,47)	(21,47)
6	Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	535.980,53	456.848,67	32.224,09	24.394,33

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên chịu ảnh hưởng tác động từ sự biến động giá nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào do căng thẳng địa chính trị trên thế giới làm gián đoạn nguồn cung; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết bất thường đã ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ bia; tình hình cạnh tranh trong ngành bia, rượu ngày càng gay gắt; việc kiểm tra nồng độ cồn đối với người tham gia giao thông tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đã tạo nên thói quen tốt cho người tiêu dùng, nhưng đồng thời cũng làm giảm sản lượng tiêu thụ mặt hàng bia, rượu.

Để kịp thời chủ động ứng phó với những tác động nêu trên, Hội đồng quản trị HABECO đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty thành viên cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty triển khai thực hiện: - Tăng cường công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện rà soát, tiết kiệm chi phí. Cải tiến hợp lý hóa quá trình sản xuất, sắp xếp, tinh gọn lao động để tăng năng suất. - Xây dựng và triển khai các giải pháp thị trường, bán hàng đảm bảo để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Tập trung xây dựng thương hiệu Bia Hà Nội phát triển mạnh, tích cực đóng góp vào công tác bán hàng tiêu thụ sản phẩm Bia Hà Nội.

(*) Trong năm 2025: HABECO không tiến hành đầu tư và thực hiện dự án.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	% tăng/giảm
Tổng tài sản	7.259.200.002.724	7.550.755.316.813	4,02%
Doanh thu thuần	8.218.412.128.598	8.540.018.196.174	3,91%
Lợi nhuận từ HĐSXKD	488.759.121.443	582.133.679.437	19,10%
Lợi nhuận khác	18.082.445.441	28.323.473.403	56,64%
Lợi nhuận trước thuế	506.841.566.884	610.457.152.840	20,44%
Lợi nhuận sau thuế	391.140.013.450	491.498.313.672	25,66%

Sự tăng trưởng trong kết quả kinh doanh năm 2025 của HABECO so với cùng kỳ năm trước đến từ những cải thiện trong hoạt động vận hành, đồng thời tận dụng hiệu quả xu hướng phục hồi và ổn định của nền kinh tế vĩ mô trong nước.



CÁC TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,86	3,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,48	2,70
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,38	0,40
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,14	1,15
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,41	8,87
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,40	9,22
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,43	6,64
Hệ số lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	5,95	6,82
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,76	5,76

Hiệu quả tài chính và hoạt động của HABECO năm 2025 tốt hơn so với năm 2024. Các chỉ tiêu năng lực hoạt động và khả năng sinh lời tăng, đặc biệt là vòng quay hàng tồn kho và hệ số lợi nhuận, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản và khả năng tạo lợi nhuận tăng. Các chỉ số tài chính phản ánh khả năng thanh toán (>1), hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thấp đảm bảo an toàn theo quy định.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	231.800.000 cổ phần	Cổ phần ưu đãi	0 cổ phần
Cổ phần cổ thông	231.800.000 cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng	231.800.000 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26 tháng 03 năm 2026)

STT	Nhóm cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ / Tổng số cổ phần
1	Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79%
2	Carlsberg Breweries A/S	40.198.200	17,34%
3	Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	381.400	0,17%
4	Cổ đông khác	1.628.000	0,70%
	Trong nước	1.485.844	0,64%
	Nước ngoài	142.156	0,06%
	Tổng cộng	231.800.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có.
Các chứng khoán khác: Không có.



SỰ KHÁC BIỆT TẠO NÊN
VỊ THỂ ĐỘC TÔN

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 62 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 62 Giải pháp đã thực hiện 2025
- 70 Tình hình tài chính
- 72 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 73 Kế hoạch phát triển năm 2026
- 79 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH 2025

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% Thực hiện/ Kế hoạch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	Tỷ đồng	7.471,1	7.683,0	102,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	228,9	400,3	174,9%

GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 2025

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG



Chiến lược định vị thương hiệu và phát triển sản phẩm

Nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm, ra mắt các dòng sản phẩm mới với dung tích khác nhau để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng, gia tăng lợi thế cạnh tranh. Nâng cấp bao bì, nhãn mác, nhận diện thương hiệu nhằm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng đặc biệt là nhóm khách hàng trẻ. Đặc biệt sản phẩm mới Bia Hơi Hà Nội Keg 1L được nghiên cứu, sản xuất và ra mắt thị trường đầu năm 2025 đang được khách hàng đón nhận tích cực.



Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu

Khẳng định vị thế và sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh trong ngành với hình ảnh “Thương hiệu quốc gia” đại diện cho bản sắc và văn hóa Việt Nam. Nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu thông qua các tư liệu, hình ảnh cao cấp, đầy cảm xúc, gia tăng độ phủ quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại. Xây dựng các hoạt động trải nghiệm của khách hàng với thương hiệu thông qua các hoạt động truyền thông quảng bá trực tiếp tạo nên sự kết nối đa chiều với người tiêu dùng.



Chiến lược xúc tiến thương mại

Xây dựng chương trình khuyến mại người tiêu dùng thích ứng với biến động của thị trường để gia tăng sức cạnh tranh của thương hiệu, gia tăng sự ủng hộ của người tiêu dùng, hỗ trợ phát triển phân phối và kinh doanh của HABECO nhằm bảo vệ và mở rộng thị trường. Áp dụng các phương thức khuyến mại mới để tạo sự tiện lợi cho khách hàng và người tiêu dùng.

GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 2025 (TIẾP)

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG (TIẾP)



Chiến lược phân phối và phát triển thị trường

Mang tính tập trung và cụ thể hóa, phù hợp với đặc tính thị trường, bối cảnh cạnh tranh và nguồn lực của HABECO trên từng khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Từng bước phát triển các sản lượng chiến lược theo từng khu vực trên cả nước. Kiểm soát hệ thống phân phối và hệ thống điểm bán, đa dạng hóa mô hình phân phối của HABECO thông qua kênh thương mại điện tử, kênh bán hàng hiện đại.



Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên

Thực hiện chiến lược thị trường đồng bộ, gia tăng hiệu quả đầu tư đối với các hoạt động tại thị trường. Triển khai các giải pháp như mở nhà phân phối và các điểm bán, triển khai các chương trình xúc tiến bán hàng hướng tới người tiêu dùng, phát triển kênh bán hàng doanh nghiệp đặc biệt trong dịp Tết Nguyên Đán.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ



Hoạt động xuất khẩu

Trong năm 2025, tổng sản lượng bia xuất khẩu tăng 7% so với cùng kỳ. Doanh thu xuất khẩu tăng 10% so với cùng kỳ. Kết quả này đã khẳng định vị thế của sản phẩm Bia Hà Nội trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và thị trường đồ uống nói riêng đang gặp nhiều khó khăn. Hiện tại, sản phẩm Bia Hà Nội đã được xuất khẩu sang gần 15 nước, trong đó tăng trưởng mạnh nhất là thị trường Nga. Đây là tín hiệu đáng mừng trong công tác mở rộng thị phần của Bia Hà Nội trên thị trường quốc tế.



Tiến hành nghiên cứu, xây dựng phương án hình thành điểm đến du lịch Bảo tàng Bia Hà Nội tại địa chỉ 183 Hoàng Hoa Thám.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH



Năm 2025, HABECO luôn theo sát tình hình sản xuất kinh doanh, cân đối dòng tiền để đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động SXKD tại mọi thời điểm, tối ưu được lợi nhuận tài chính; kiểm soát tốt tình hình thực hiện kế hoạch chi phí SXKD đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bên cạnh các giải pháp về cân đối sản lượng sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, HABECO tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ tài chính đối với các công ty thành viên đang gặp khó khăn nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị, từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn tổ hợp.

Kiểm soát tốt và dự báo kịp thời tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh phục vụ công tác điều hành đảm bảo hoàn thành mục tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ



Thực hiện rà soát quy hoạch quản lý cán bộ và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ trong toàn tổ hợp HABECO giai đoạn 2025 - 2030.

Cân đối, điều động linh hoạt lao động giữa các bộ phận đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh và phù hợp với năng lực của người lao động.

Luôn duy trì thực hiện các chế độ, chính sách để người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của HABECO. Ngoài ra, HABECO luôn đảm bảo việc chi trả lương thưởng hiệu quả, công bằng và cạnh tranh với mức lương thị trường.

CÔNG TÁC KỸ THUẬT, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ ISO

Thực hiện các giải pháp kỹ thuật về đa dạng hóa việc sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, áp dụng các giải pháp tiết kiệm hóa chất, năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Năm 2025, chất lượng sản phẩm trên toàn hệ thống được đảm bảo đồng đều và ngày càng nâng cao, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả hơn so với năm 2024.

Tổ chức các lớp đào tạo cảm quan nâng cao và lớp nhận thức về thương hiệu và sản phẩm cho đội ngũ nhân viên bán hàng của các công ty thương mại và các đơn vị thành viên.

Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cảm quan như xây dựng phần mềm hoạt động online trên cơ sở số hóa các phép thử thị hiếu người tiêu dùng, đánh giá năng lực hội đồng cảm quan HABECO và các công ty thành viên.

Thiết lập, duy trì, giám sát và đánh giá hệ thống ISO tích hợp giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 22000:2018 và ISO 14001:2015.



CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Lưu trữ, bảo quản tuyệt đối an toàn các chủng men của HABECO.

Phân tích, đánh giá xu thế thị trường đồ uống để cải tiến chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.



CÔNG TÁC KHÁC

Hoạt động sáng kiến cải tiến luôn được khuyến khích, trong năm có gần 200 sáng kiến cải tiến. Các sáng kiến đều được thực hiện triển khai và đem lại hiệu quả kinh tế cũng như phù hợp với chiến lược, định hướng của HABECO trong lĩnh vực số hóa, nâng cao công tác quản trị hệ thống, cải tiến chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa sản xuất mang lại giá trị làm lợi lên đến gần 35 tỷ đồng.

Công tác an sinh xã hội: duy trì phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác. Tổng số tiền từ thiện xã hội năm 2025 của HABECO là 4,8 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



HABECO luôn chấp hành đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật. Kết quả hoạt động kinh doanh của HABECO trong năm 2025 có lãi. Các chỉ số tài chính phản ánh khả năng thanh toán, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đảm bảo ở mức an toàn theo quy định, điều này cho thấy HABECO đảm bảo được hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cân đối, an toàn, thực hiện được mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	Chi tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/ giảm 2025 so với 2024
		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Tài sản ngắn hạn	5.353	73,73%	5.943	78,71%	11,03%
2	Tài sản dài hạn	1.907	26,27%	1.607	21,29%	-15,71%
Tổng tài sản		7.260	100,00%	7.551	100,00%	4,00%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của HABECO là 7.551 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2024. Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là 5.943 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 78,71% tổng tài sản), tài sản dài hạn là 1.607 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 21,29% tổng tài sản). Cơ cấu tài sản đang ở mức hợp lý phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chi tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/ giảm 2025 so với 2024
		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Nợ ngắn hạn	1.870	93,83%	1.953	90,74%	4,45%
2	Nợ dài hạn	123	6,17%	199	9,26%	61,79%
Tổng nợ		1.993	100,00%	2.153	100,00%	8,01%

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của HABECO là 2.153 tỷ đồng. Trong đó, nợ dài hạn là 199 tỷ đồng, nợ ngắn hạn là 1.953 tỷ đồng. Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thấp đảm bảo an toàn theo quy định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2025, HABECO không có thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy.



VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Năm 2025, căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP của Chính Phủ về quản lý lao động, tiền lương ban hành ngày 28/02/2025, Tổng công ty đã ban hành Quy chế trả thu nhập và các văn bản có liên quan về chế độ tiền lương, tiền thưởng của người lao động, Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- Quy chế trả thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 24/7/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Quy định thang bảng lương cố định, thu nhập mục tiêu, khen thưởng của Ban điều hành ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 24/7/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 24/7/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng công ty thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo kế hoạch sản xuất kinh doanh; thường xuyên rà soát định mức lao động làm cơ sở bố trí, sắp xếp lao động khoa học, hiệu quả.

Giải quyết chế độ đối với người lao động đúng luật và kịp thời (BHXH, Thuế). Quan tâm giải quyết tốt việc chăm lo đời sống quyền lợi, chế độ chính sách của CBCNV.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2026

TÌNH HÌNH CHUNG

Bước sang năm 2026, bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều thách thức, diễn biến khó lường. Ngay từ những tháng đầu năm 2026, chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu đã bị gián đoạn nghiêm trọng do ảnh hưởng tình hình Trung Đông, các yếu tố tỷ giá, lãi suất, giá dầu, chi phí logistics... biến động bất thường, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2026 là năm mở đầu của giai đoạn 2026-2030, cũng là năm nền tảng để các doanh nghiệp ngành bia có những điều chỉnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh để thích nghi với lộ trình tăng thuế TTĐB đã được thông qua (từ năm 2027, thuế TTĐB sẽ tăng 5% mỗi năm trong giai đoạn 2027-2031). Trong khi đó, thị trường trong nước năm 2026 được nhận định vẫn chưa có đột phá về sức mua trong nước, thu nhập của người dân chưa được cải thiện. HABECO vẫn tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt của các tập đoàn lớn có nguồn lực tài chính, nhân sự, kinh nghiệm bán hàng; nhu cầu tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi tâm lý sính ngoại, thích uống bia nhập khẩu...

Vì vậy, để tăng sức cạnh tranh, khuếch trương thương hiệu, giữ vững thị phần, tăng sản lượng tiêu thụ, HABECO tiếp tục triển khai quyết liệt nhiều giải pháp bán hàng trong năm 2026.

KẾ HOẠCH MỤC TIÊU



Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của HABECO tại thị trường phía Bắc, đặc biệt tại phân khúc bia phổ thông; Phát triển và mở rộng thị trường tại Miền Trung và Miền Nam.

Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ. Tiếp tục gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu, gia tăng tần suất, độ phủ quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Công tác thị trường

Chiến lược định vị thương hiệu: tiếp tục tập trung đầu tư vào các phân khúc, chất lượng dịch vụ, hệ thống phân phối và hoạt động truyền thông để củng cố vị thế, giúp gia tăng trải nghiệm tiêu dùng khác biệt và hình ảnh thương hiệu hiện đại, cao cấp, nhằm nâng tầm thương hiệu trong trung và dài hạn.



Chiến lược xây dựng và truyền thông thương hiệu:

- Tập trung đầu tư và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của nhóm sản phẩm chủ lực thông qua việc củng cố hình ảnh thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng trải nghiệm tiêu dùng và truyền thông nhất quán về bản sắc Việt, thương hiệu để tạo ra những giá trị khác biệt, giúp người tiêu dùng cảm thấy tự hào về văn hóa và bản sắc dân tộc khi lựa chọn sản phẩm.
- Truyền thông thương hiệu tập trung gia tăng giá trị cảm xúc đến khách hàng mục tiêu, mở rộng đa dạng kênh truyền thông để kết nối đến đa dạng các tập khách hàng khác nhau tại từng tỉnh, thành,
- Tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp kết nối với khách hàng mục tiêu và chương trình khuyến mại, tri ân khách hàng.

Công tác thị trường

Chiến lược phân phối:

- Chiến lược phân phối theo vùng và sản phẩm: quy hoạch sản phẩm trọng tâm theo đặc thù từng khu vực để tối ưu hóa nguồn lực phân phối, phù hợp với đặc tính từng vùng thị trường.
- Chiến lược phân phối theo kênh: tập trung phát triển đồng bộ các kênh phân phối, bao gồm kênh OFF (tiêu dùng gián tiếp), kênh ON (tiêu dùng trực tiếp) và kênh MT (kênh hiện đại), nhằm mở rộng độ phủ, nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng và đảm bảo sự hiện diện mạnh mẽ của thương hiệu trên toàn thị trường. Đồng thời, HABECO sẽ khai thác tiềm năng của kênh thương mại điện tử, xây dựng đây trở thành một kênh kinh doanh bổ trợ, góp phần hoàn thiện mô hình phân phối đa kênh và đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới.
- Chiến lược quy hoạch hệ thống phân phối: hoàn thiện hệ thống phân phối, lựa chọn các nhà phân phối có tiềm lực, có hệ thống phân phối lớn, thay thế các nhà phân phối yếu, kém.
- Tăng cường công tác xuất khẩu Bia Hà Nội đến các thị trường đã khai thác, đặc biệt gia tăng sản lượng xuất khẩu đến thị trường Mỹ, Châu Âu cũng như khai thác các thị trường xuất khẩu mới. HABECO xây dựng kế hoạch sản lượng xuất khẩu năm 2026 tăng trưởng 10% so với cùng kỳ.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (TIẾP)

Công tác kỹ thuật, quản lý chất lượng, ISO

- Tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn, hoạt động sản xuất, nhằm nâng cao hơn nữa tính sáng tạo của người lao động, nâng cao năng suất lao động, năng suất dây chuyền, tiết kiệm trong các công đoạn sản xuất.
- Tiếp tục triển khai các lớp đào tạo cảm quan, giám sát chặt chẽ việc lưu kho, đảo kho, bảo quản sản phẩm.

Công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ

- Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm.
- Phân tích, đánh giá định kỳ theo quý một số sản phẩm đồ uống trên thị trường, tổng hợp đánh giá xu thế thị trường đồ uống để cải tiến bao bì và sản phẩm.
- Phân tích, đánh giá các chỉ tiêu công nghệ cao phục vụ quản lý kỹ thuật, chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm.



Công tác vật tư nguyên liệu

- Cập nhật liên tục các thông tin, yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới giá nguyên vật liệu để kịp thời có những đánh giá biến động nhu cầu và nguồn cung quốc tế. Phân tích đánh giá các yếu tố vĩ mô và chính sách quốc gia dự kiến ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên vật liệu trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả trong mua sắm hàng hóa.
- Xây dựng các kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu phù hợp và giải pháp theo từng thời điểm của năm 2026 cho HABECO.

Công tác nhân sự

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành.
- Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, bố trí, điều động, sắp xếp lao động linh hoạt cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (TIẾP)

Công tác tài chính

- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Tiếp tục rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, tiết giảm các chi phí chưa thực sự cấp bách để tập trung cho công tác thị trường, phát triển tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Năm 2026 là năm được dự báo có nhiều biến động về tỷ giá, lãi suất. Do vậy, HABECO tăng cường theo dõi sát sao biến động của tỷ giá để thực hiện mua nguyên liệu, phụ tùng nhập khẩu với chi phí thấp nhất, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Bên cạnh đó tiếp tục khai thác hiệu quả lãi suất đối với nguồn tiền gửi có kì hạn.



Công tác đầu tư

- Xây dựng phương án xây dựng điểm đến du lịch Bảo tàng Bia Hà Nội, báo cáo Bộ Công Thương, UBND Thành phố Hà Nội, các sở ngành xem xét, quyết định. Nghiên cứu xây dựng phương án di dời cơ sở sản xuất tại 183 Hoàng Hoa Thám.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai thực hiện các dự án đổi mới trang thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường như hệ thống điện mặt trời áp mái; hệ thống lọc bia bằng màng lọc, nâng cấp hệ thống lạnh tiết kiệm năng lượng....
- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân công ty và được giám sát, truyền số liệu online tới cơ quan quản lý, nước sau xử lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép.

Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước. Nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2025, HABECO không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.

Phát huy các phong trào thi đua lao động giỏi, sáng kiến cải tiến tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường. Các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

Thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được tham gia các khóa học đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng phù hợp theo chức danh, vị trí công việc.





05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 82 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 83 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 84 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu tác động từ thời tiết bất lợi, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh, chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu gia tăng, đặc biệt giá vỏ lon tăng khoảng 7,7% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, ngành bia tiếp tục đối mặt với mức độ cạnh tranh cao, cùng với việc siết chặt kiểm soát nồng độ cồn đối với người tham gia giao thông đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ toàn ngành.

Trước những khó khăn, thách thức đó, HABECO đã chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả, qua đó đạt được những kết quả tích cực trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Kết thúc năm tài chính 2025, HABECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tăng trưởng so với cùng kỳ.

Những kết quả đạt được là minh chứng cho tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên HABECO, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước, sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và các tổ chức liên quan.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO.

Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư.

Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO.

ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC CÁN BỘ, QUẢN LÝ KHÁC

Các phòng, ban, đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Cán bộ quản lý làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và các Quy chế nội bộ của HABECO; đồng thời nâng cao năng lực quản trị, tăng cường kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, từng bước áp dụng các phương thức quản trị tiên tiến nhằm phát huy hiệu quả các lợi thế của HABECO, củng cố niềm tin của cổ đông và các nhà đầu tư.

Chỉ đạo khai thác hiệu quả hệ thống quản trị SAP ERP HABECO phục vụ công tác quản trị và điều hành; nâng cao hiệu quả kết nối, quản trị giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, đáp ứng yêu

cầu quản trị và điều hành trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt và môi trường kinh doanh có nhiều biến động.

Hoàn thành xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty và các công ty thành viên giai đoạn 2026 - 2030 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó định hướng thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, công ty thành viên hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của HABECO.

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Tài chính và các quy chế nội bộ của HABECO để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành trong năm 2026, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH, TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ

Hội đồng quản trị tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. HĐQT theo dõi sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO, kịp thời đưa ra các chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành.

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác quản trị tài sản và tài chính doanh nghiệp, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu hóa lợi nhuận và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các cổ đông.

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác phân tích, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao tính chủ động trong điều hành; tiếp tục rà soát, tiết giảm chi phí, tập trung nguồn lực cho hoạt động thị trường và phát triển tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Theo dõi xu hướng phát triển của ngành đồ uống và xu hướng bao bì mới để kịp thời nghiên cứu, cải tiến sản phẩm; nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có, tìm kiếm giải pháp giảm giá thành và nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng của thị trường.

Khuyến khích và phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quá trình sản xuất và hoạt động thị trường, phân phối nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên; kịp thời đưa ra các giải pháp hỗ trợ đối với các đơn vị gặp khó khăn, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty thành viên; đồng thời phát huy lợi thế của từng đơn vị trong công tác truyền thông thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm Bia Hà Nội.

Chỉ đạo nghiên cứu và triển khai số hóa các quy trình nghiệp vụ và hệ thống dữ liệu; từng bước tích hợp các quy trình và cơ sở dữ liệu thành hệ thống quản trị thống nhất, phục vụ công tác báo cáo quản trị, lập kế hoạch và dự báo; đồng thời nghiên cứu triển khai các dự án nâng cao hiệu quả sản xuất, sản xuất sạch và tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 89 Hội đồng quản trị
- 96 Ban kiểm soát
- 102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ sở hữu/Đại diện vốn
1	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT	28/6/2018	07/07	36,7914%
2	Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên HĐQT	28/6/2018	07/07	25%
3	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	06/9/2019	07/07	10%
4	Ông Trần Thuận An	Thành viên HĐQT	06/9/2019	07/07	10%
5	Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên HĐQT	22/01/2020	06/07 (vắng mặt có lý do chính đáng)	17,34%
6	Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập HĐQT	22/01/2020	07/07	0%
7	Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập HĐQT	28/6/2023	07/07	0%

TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống HABECO, HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra và giám sát chỉ đạo Ban điều hành, theo sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để tổ chức thực hiện với tinh thần tích cực, cẩn trọng.

Để thực hiện và hoàn thành Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, HĐQT đã ban hành 25 Nghị quyết, trong đó 07 Nghị quyết thông qua các phiên họp trực tiếp của HĐQT và 18 Nghị quyết thông qua việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Đối với các Nghị quyết của HĐQT đã được thông qua đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả trong từng phiên họp HĐQT.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-HABECO	07/01/2025	Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty đối với đồng chí Phạm Thu Thủy.	100%
2	02/NQ-HĐQT-HABECO	09/01/2025	- Thống nhất giới thiệu đề cử nhân sự để bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của HABECO nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thống nhất nội dung văn bản lấy ý kiến cổ đông.	100%
3	03/NQ-HĐQT-HABECO	06/02/2025	- Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội. - Danh sách quy hoạch cán bộ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO giai đoạn 2024 - 2028.	100%
4	04/NQ-HĐQT-HABECO	04/3/2025	- Thống nhất kế hoạch thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của HABECO. - Phê duyệt Kế hoạch giám sát tài chính các công ty thành viên năm 2025. - Thông qua kết quả thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. - Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số. - Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình. - Ý kiến của Người đại diện phần vốn tại Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng.	100%
5	05/NQ-HĐQT-HABECO	13/3/2025	Chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với đồng chí Trần Thuận An	100%
6	06/NQ-HĐQT-HABECO	24/3/2025	- Về việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025. - Kien toàn nhân sự đại diện phần vốn của HABECO tại một số doanh nghiệp khác. - Nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh - Nội dung họp Hội đồng thành viên thường niên năm 2025 của Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng. - Phê duyệt bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc HABECO đối với đồng chí Trần Thuận An.	100%

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	07/NQ-HĐQT-HABECO	02/4/2025	- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Phường Vân Cờ, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ. - Nghiên cứu phương án, thực hiện khai thác các khu đất của Tổng công ty. - Giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Trường Đại học Công nghiệp Vinh nhiệm kỳ II (2025 -2030). - Sửa đổi, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty. - Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương. - Kế hoạch chi Quỹ An sinh xã hội của Tổng công ty năm 2025. - Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của HABECO tại Trường Đại học Công nghiệp Vinh. - Thống nhất chương trình và tài liệu họp trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty. - Ý kiến chỉ đạo Tổ xây dựng phương án tái cơ cấu các Công ty thành viên. - Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định, Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội, Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài.	100%
8	08/NQ-HĐQT-HABECO	16/4/2025	- Phê duyệt định mức nguyên vật liệu, hóa chất cho sản xuất. - Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên về nội dung họp ĐHĐCĐ.	100%
9	09/NQ-HĐQT-HABECO	17/4/2025	- Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Báo cáo xin ý kiến chỉ đạo Bộ Công Thương về Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030.	100%
10	10/NQ-HĐQT-HABECO	15/5/2025	- Chủ trương thực hiện quy trình thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình. - Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty mẹ. - Quyết toán tiền lương thực hiện năm 2024 của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. - Chi thưởng Ban quản lý điều hành, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2023.	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	10/NQ-HĐQT-HABECO	15/5/2025	- Thông qua chỉ tiêu tiền lương năm 2025 của Công ty mẹ. - Kế hoạch sử dụng lao động và kế hoạch tuyển dụng năm 2025 của Tổng công ty. - Báo cáo xin ý kiến của Bộ Công Thương đối với Dự thảo Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc - Báo cáo xin ý kiến của Bộ Công Thương đối với Dự thảo Quy chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo. - Thống nhất kế hoạch phương án chi trả cổ tức năm 2023 của Tổng công ty. - Thông qua nội dung báo cáo và đề xuất kết quả giám sát tài chính năm 2024 đối với các công ty thành viên của Tổng công ty. - Ý kiến đề xuất của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị. - Tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập. - Đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ năm 2024 của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO. - Đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ năm 2024 của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.	100%
11	11/NQ-HĐQT-HABECO	27/5/2025	Nhân sự Ban điều hành tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An.	100%
12	12/NQ-HĐQT-HABECO	13/6/2025	- Ban hành "Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội". - Quỹ thù lao thực hiện của Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco năm 2024. - Kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập. - Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An. - Quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án đầu tư Hệ thống sản xuất nước tinh lọc, Dự án Đầu tư thay thế nhãn chai bia Hà Nội Premium và bia Trúc Bạch. - Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. - Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, Kế hoạch kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco.	100%
13	13/NQ-HĐQT-HABECO	26/6/2025	Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định.	100%

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	14/NQ-HĐQT-HABECO	09/7/2025	- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO. - Kết quả đánh giá Người đại diện vốn, Kiểm soát viên của HABECO.	100%
15	15/NQ-HĐQT-HABECO	24/7/2025	- Chủ trương về công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài. - Chủ trương về công tác cán bộ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương. - Chủ trương công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà. - Ban hành Quy chế, Quy định của Tổng công ty. - Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản LiLama, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco. - Chủ trương khai thác công trình văn phòng, nhà kho. - Chủ trương xây dựng phương án Bảo tàng Bia Hà Nội.	100%
16	16/NQ-HĐQT-HABECO	14/8/2025	Phê duyệt trích và phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023.	100%
17	17/NQ-HĐQT-HABECO	21/8/2025	Chủ trương về công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định.	100%
18	18/NQ-HĐQT-HABECO	28/8/2025	- Dự thảo Quy chế Quy chế Quản lý dòng tiền. - Thống nhất về chuyển xếp lương cố định và thu nhập mục tiêu. - Xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty 2026 - 2030. - Công tác hỗ trợ kỹ thuật sản xuất trong sản xuất bia. - Chấp thuận Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật ký kết giữa Tổng công ty và Công ty thành viên. - Chấp thuận Hợp đồng ký kết giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định. - Chấp thuận Hợp đồng ký kết giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài. - Sửa chữa, cải tạo tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh. - Chủ trương cung cấp hơi nước bảo hòa phục vụ sản xuất. - Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	19/NQ-HĐQT-HABECO	29/9/2025	- Kết quả giám sát tài chính 06 tháng đầu năm 2025. - Nội dung sửa đổi Quy chế trả thu nhập của Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh.	100%
20	20/NQ-HĐQT-HABECO	28/10/2025	- Nội dung sửa đổi Quy chế Quản lý cán bộ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HABECO. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà.	100%
21	21/NQ-HĐQT-HABECO	17/11/2025	- Chấp thuận việc ký kết hợp đồng giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89. - Kế hoạch mua sắm trang thiết bị tin học phục vụ công tác. - Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý dòng tiền.	100%
22	22/NQ-HĐQT-HABECO	02/12/2025	- Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình. - Quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định. - Trang thiết bị tin học phục vụ công việc.	100%
23	23/NQ-HĐQT-HABECO	15/12/2025	- Báo cáo Bộ Công Thương về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	100%
24	24/NQ-HĐQT-HABECO	16/12/2025	- Trang bị thiết bị tin học, văn phòng, bàn ghế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thuê đơn vị giám định chất lượng và thuê đơn vị dọn dẹp mặt bằng.	100%
25	25/NQ-HĐQT-HABECO	25/12/2025	- Chấp thuận việc ký kết Hợp đồng, giao dịch năm 2026 giữa Tổng công ty và người có liên quan. - Kết quả thực hiện các cuộc Kiểm toán nội bộ theo Kế hoạch năm 2025. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương. - Công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định. - Chính sách trả chậm tiền mua hàng năm 2026. - Báo cáo của Tổng Giám đốc về việc triển khai Nghị quyết HĐQT. - Chủ trương thuê đơn vị tư vấn xây dựng giải pháp phòng cháy chữa cháy .	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Bà Quản Lê Hà và Ông Trần Danh Đáng đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của HABECO. Cùng với các thành viên HĐQT khác, Bà Quản Lê Hà và Ông Trần Danh Đáng đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị HABECO.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Thuận An - Thành viên Hội đồng quản trị

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày là Kiểm soát viên	Trình độ chuyên môn
1	Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng BKS	28/6/2018	Cử nhân kế toán; Cử nhân quản trị kinh doanh thương mại.
2	Bà Thiều Hồng Nhung	Kiểm soát viên	22/01/2020	Cử nhân kinh tế
3	Ông Trần Đức Giang	Kiểm soát viên	28/06/2023	Cử nhân quản trị kinh doanh



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2025;
- Thông qua dự thảo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ;
- Thảo luận và thống nhất các nội dung chính góp ý tại các cuộc họp lớn;
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật như nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT với người lao động và các nghĩa vụ khác.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo quy định tại Quyết định số 1885/QĐ-BCT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp cần thiết của Ban điều hành.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị HABECO đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất trong các thành viên. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 07 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 18 Nghị quyết thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các vấn đề lớn thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT HABECO.

Năm 2025, HABECO tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, từng bước sắp xếp điều chỉnh, đề bạt bổ nhiệm một số cán bộ, lãnh đạo tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban kiểm soát ghi nhận về tính đầy đủ, rõ ràng của số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán NVA. Báo cáo tài chính định kỳ năm 2025 của HABECO đã được kiểm toán và công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HABECO, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, cũng như các quy chế, quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ HABECO để triển khai công tác giám sát.

Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành HABECO tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia một số cuộc họp của Ban điều hành. Ban kiểm soát giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các cổ đông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HABECO theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông.



KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2026 HABECO tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, do tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, lạm phát toàn cầu gia tăng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Trước khó khăn nêu trên, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất như sau:

- Tổng công ty tiếp tục xây dựng, nghiên cứu phát triển sản phẩm và nâng cấp bao bì nhãn mác qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh của các sản phẩm HABECO trên thị trường.
- Tổng công ty cần xây dựng Đề án các giải pháp và phướng án ứng phó với Vấn đề tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành hàng rượu, bia theo từng thời kỳ.
- Tiếp tục xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty và các công ty thành viên giai đoạn 2026 - 2030 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó định hướng thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, công ty thành viên hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của HABECO.
- Tổng công ty rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Tài chính và các Quy chế nội bộ của HABECO để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành trong năm 2026, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đối với các công ty thành viên, Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty thông qua Người đại diện vốn, Kiểm soát viên tại đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu; việc thực hiện đầy đủ và tuân thủ theo các quy định, quy chế về quản lý tài chính nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và đảm bảo an toàn tài chính cho các khoản công nợ.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2026

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát sẽ thuê tư vấn độc lập hoặc phối hợp, điều động nhân sự kiểm toán nội bộ của Tổng công ty (khi cần thiết) để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo chuyên đề khi có phát sinh.
- Tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

- Tiền lương của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát chuyên trách đã chi trong năm 2025: 2.370.840.000 đồng.
- Thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát kiêm nhiệm đã chi trong năm 2025: 1.536.000.000 đồng.
- Tiền lương của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác đã chi trong năm 2025: 9.221.715.000 đồng.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: KHÔNG



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hàng năm, Tổng công ty đều chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ chủ chốt trong đó có các nội dung liên quan tới quản trị công ty.

Trong năm 2026, đối với TVHĐQT, BKS, BTGD Tổng công ty dự kiến sẽ tổ chức 02 khóa học cập nhật các quy định mới, cách thức mới trong quản lý điều hành doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của HABECO gồm:

- Chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho người đại diện phần vốn, thành viên ban kiểm soát: Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ doanh nghiệp, Quản trị tài chính doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý dành cho cán bộ cấp cao (TV HĐQT, BKS, BTGD) về quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Tổng công ty đang sử dụng phần mềm quản trị nhân sự Histaff để quản trị tất cả các nghiệp vụ về nhân sự gồm các phân hệ: quản lý tổ chức, thông tin nhân sự, hồ sơ đảng viên, chấm công, tiền lương, thuế TNCN, đào tạo, tuyển dụng, BHXH cho người lao động. Hệ thống phân quyền chặt chẽ theo nhiều cấp, theo dõi và xử lý các phần hành liên quan một cách tự động và hiệu quả. Phần mềm luôn được bảo trì và nâng cấp thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty.



07

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 106 Tiêu thụ nước
- 107 Tác động lên môi trường - phát thải khí nhà kính
- 108 Về quản lý nguồn nguyên vật liệu
- 108 Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- 109 Tiêu thụ năng lượng
- 111 Chính sách liên quan đến người lao động
- 113 Trách nhiệm với cộng đồng địa phương



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

HABECO luôn tích cực trong việc hạn chế sự phát thải khí nhà kính như: đổi mới sang sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường qua việc sử dụng lò hơi đốt bằng các nhiên liệu tái tạo (như mùn cưa, củi gỗ vụn ép, ...) để giảm thiểu tối đa việc phát sinh ra khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính; sử dụng xe nâng hàng chạy điện và LPG thay cho dầu DO để giảm khí phát thải; HABECO có nhiều hành động hưởng ứng chiến dịch, từ chủ trương, chính sách quản lý nội bộ đến tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường; có nhiều sáng kiến cải tiến về áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng (điện, hơi nóng), hóa chất và nước cấp + nước thải để giảm chi phí và giảm phát thải ra môi trường.

Năm 2026, HABECO có kế hoạch thuê đơn vị tư vấn để thực hiện việc khai báo, kiểm kê khí nhà kính; tận dụng CO₂ thải khí không ngưng cho nhiều mục đích của sản xuất; tận thu và tiết kiệm CO₂ trong sản xuất sản xuất.

TIÊU THỤ NƯỚC

Tổng lượng nước tiêu thụ năm 2025 của 2 Nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 794.607 m³ tăng 0,126% so với năm 2024 (793.605 m³) do sản lượng sản xuất tăng.

Tổng công ty đã đưa ra một số các giải pháp tiết kiệm nước như:

- Giải pháp vệ sinh dây chuyền chiết lon thân thiện môi trường, hướng tới sản xuất xanh.
- Cải tiến chương trình nấu để sử dụng 100% nước nóng từ tank 82 độ C để xuống bột gạo, tối ưu sử dụng nước nóng trong quá trình nấu.

Nước tái sử dụng lại nguồn nước nóng sinh ra trong quá trình sản xuất tuần hoàn nước ngưng để cấp lại cho lò hơi syngas và vệ sinh cũng như tận dụng nước nóng thừa ở nhà nấu cho quá trình rửa keg và rửa bát nhà ăn ca.



QUẢN LÝ NGUỒN VẬT LIỆU



Lượng NVL chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính của 2 nhà máy Mê Linh và Hoàng Hoa Thám của HABECO như sau:

NVL chính	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2024
Malt (kg)	16.655.152	17.286.806	Năm 2025 tăng 4% so với năm 2024
Gạo (kg)	11.484.036	12.070.964	Năm 2025 tăng 5% so với năm 2024
Đường (kg)	466.160	61.508	Năm 2025 giảm 658% so với năm 2024
Cao hoa (kg)	14.339,35	14.497,66	Năm 2025 tăng 1% so với năm 2024
Hoa viên (kg)	12.148	13.499	Năm 2025 tăng 10% so với năm 2024

Tỉ lệ NVL tái chế được sử dụng để sản xuất từ sản phẩm chính, dịch vụ chính của HABECO năm 2025 (22.905.460 kg) là 22,63% tăng 0,09% so với năm 2024 (21.868.050 kg).

VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lí nước thải của bản thân Công ty và được giám sát, truyền số liệu online tới cơ quan quản lý, nước sau xử lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép.

Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước. Nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2025 HABECO không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2024
Tổng lượng tiêu thụ điện năng của 2 Nhà máy Mê Linh và Hoàng Hoa Thám (kWh)	20.702.833	21.338.177	Năm 2025 tăng 3,07% so với năm 2024
Tổng lượng tiêu thụ hơi nước bão hòa (hơi nóng) của 2 Nhà máy Mê Linh và Hoàng Hoa Thám (tấn)	59.798	64.392	Năm 2025 tăng 7,68% so với năm 2024

Tiêu thụ năng lượng điện và hơi nước bão hoà tăng do tổng sản lượn thành phẩm tăng 2,5% so với năm 2024.



CÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Tong năm 2025, HABECO có nhiều SKCT về các mặt trong đó có nhiều SKCT về tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả cũng như giảm chi phí sản xuất đã được áp dụng và triển khai đạt hiệu quả tốt, tiêu biểu như:

- Tối ưu quá trình CIP thiết bị nhằm tiết kiệm năng lượng và hóa chất hiệu quả, giảm xả thải môi trường.
- Tiết kiệm NVL (sử dụng gạo tấm) trong sản xuất bia hơi để giảm giá thành sản phẩm và vẫn đảm bảo chất lượng.
- Điều chỉnh tiết kiệm hơi bão hòa trong việc đun sôi hoa.
- Lập chương trình tự động tẩy cặn phụ trợ và đường ống dây chuyền chiết Keg giảm lao động và tiết kiệm năng lượng, hóa chất.

Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bí quyết tạo nên thương hiệu Bia Hà Nội nằm ở những giá trị truyền thống hàng trăm năm kết hợp với công nghệ hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, HABECO luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động

Tổng số CBCNV của HABECO đến thời điểm 31/12/2025 là 509 người, lao động bình quân năm 2025 là 512 người. Thu nhập bình quân năm 2025 của cán bộ công nhân viên HABECO là: 23,67 triệu đồng/người/tháng, bằng 108,3% so với cùng kỳ và bằng 112% kế hoạch năm.

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ,...



Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng học viên:

- + Đối với công nhân: Đảm bảo triển khai tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo an toàn theo luật định. Bên cạnh đó công nhân thường xuyên được đào tạo củng cố kiến thức, kỹ năng vận hành máy móc thiết bị tại từng vị trí công việc, cũng như được bố trí đào tạo chéo các máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu luân chuyển lao động khi cần.
- + Đối với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên: Ngoài các khóa theo luật định, các kỹ sư, chuyên viên thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tập huấn, cập nhật các quy định chính sách như lao động, tiền lương, tài chính, kế toán, marketing, kỹ thuật công nghệ...
- + Đối với cán bộ quản lý, ban lãnh đạo: Được tập trung đào tạo các khóa nâng cao năng lực quản lý, điều hành, xây dựng, định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp. Tổng Công ty thường xuyên mời các chuyên gia hàng đầu trong ngành về tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp quản lý.

Bên cạnh đó, Tổng công ty còn triển khai tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ cho các công ty trong toàn hệ thống, từ các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý, tới các khóa kỹ thuật, công nghệ sản xuất bia. Đồng thời các khóa tập huấn, hội thảo cập nhật quy định chính sách cho toàn hệ thống luôn được triển khai kịp thời nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và nâng cao năng lực người lao động.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN
ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾP)

Năm 2025, Tổng công ty đã triển khai 34 khóa đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng người lao động, với 1892 lượt người tham dự đào tạo. Các khóa đào tạo được tổ chức đa dạng để nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng người lao động như các khóa đào tạo về tiêu chuẩn ISO; các chương trình hội nghị, đào tạo, huấn luyện nhằm cập nhật những quy định, chính sách về tài chính-kế toán, nhân sự...; chương trình học tập, khảo sát thực tế thị trường đồ uống tại Úc; các khóa đào tạo về việc định hướng và ứng dụng trí thông minh nhân tạo (AI) vào công việc, bổ sung nhân lực cho hội đồng cảm quan; các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ khác; đồng thời hỗ trợ công ty thành viên đào tạo củng cố kiến thức về thị trường, thương hiệu và nâng cao năng lực cho gần 100 cán bộ nhân viên làm công tác thị trường. Năm 2025 Tổng công ty tiếp tục khuyến khích, thúc đẩy công tác đào tạo nội bộ, phần nào tiết kiệm chi phí đào tạo, tận dụng các nguồn lực nội tại của HABECO.

Một số kết quả đạt được của công tác đào tạo 2025:

- Tổng số khóa đã thực hiện: 34 khóa.
- Điểm đánh giá chất lượng tổng thể hoạt động đào tạo năm 2025 đạt 9,2 điểm.
- Tổng số 1.892 lượt người tham gia đào tạo.
- Tổng thời gian đầu tư cho hoạt động đào tạo là: 198 buổi, trong đó đào tạo nội bộ chiếm 93 buổi (47%).



Cơ cấu khóa học theo nhóm đối tượng như sau:

TT	Nội dung	Thực hiện Tổng (khóa)	Điểm chất lượng TB
1	Đào tạo an toàn, ISO	06	-
2	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	02	-
3	Khối chuyên môn, nghiệp vụ	08	9,2
4	Khối công nhân	15	9,4
5	Các nội dung tập huấn, cập nhật quy định, chính sách...	03	9,3
Tổng số khóa đào tạo:		34	9,2

Nhìn chung, năm 2025 đã triển khai thực hiện được các khóa đào tạo theo luật định cũng như một số các nhu cầu đào tạo thiết yếu theo nhu cầu thực tế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời tổ chức các chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, hiểu biết cho người lao động, có tính ứng dụng cao các khóa học.

TRÁCH NHIỆM VỚI
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công tác an sinh xã hội: duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác. Tổng số tiền từ thiện xã hội năm 2025 của HABECO là 4,8 tỷ đồng.



08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

- 116 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 118 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 120 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 124 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 125 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 127 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quận Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

388.
IG 1
HH
TO
/A
HOC

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.


Tổng Giám đốc
Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 01.07.2.10/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên


Lê Thị Như Ngọc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4799-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.943.328.780.153	5.352.518.818.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	801.818.312.936	1.036.109.602.407
1. Tiền	111		195.818.312.936	548.279.602.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		606.000.000.000	487.830.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.056.040.179.419	3.297.999.912.329
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.056.040.179.419	3.297.999.912.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.223.680.935	250.501.738.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	198.926.898.328	145.074.290.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.116.844.905	36.553.599.481
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	135.937.723.936	92.949.593.791
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(23.757.786.234)	(24.075.745.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	665.428.499.999	713.918.413.203
1. Hàng tồn kho	141		684.311.991.526	732.493.932.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(18.883.491.527)	(18.575.519.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.818.106.864	53.989.152.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	25.084.067.765	31.263.540.647
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.107.392.416	16.414.644.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	11.626.646.683	6.310.967.036
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.607.426.536.660	1.906.681.183.873
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		236.800.000	231.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	236.800.000	231.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

03/05/2025
CẾ
KIẾ
1-7

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.022.535.004.322	1.194.282.460.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	952.742.929.094	1.119.065.206.629
- Nguyên giá	222		9.509.219.832.237	9.506.630.149.434
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.556.476.903.143)	(8.387.564.942.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	69.792.075.228	75.217.254.118
- Nguyên giá	228		184.032.277.688	175.579.262.280
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(114.240.202.460)	(100.362.008.162)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.852.047.026	2.881.508.740
- Nguyên giá	231		13.908.625.528	12.418.243.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.056.578.502)	(9.536.735.006)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	8.978.202.467	16.835.179.030
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.978.202.467	16.835.179.030
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	281.070.593.778	476.670.079.750
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		239.706.935.374	235.633.037.790
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.386.341.596)	(2.712.958.040)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		291.753.889.067	215.780.155.606
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	287.516.499.374	205.053.706.642
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.665.020.748	7.085.348.505
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.572.368.945	3.641.100.459
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.550.755.316.813	7.259.200.002.724

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.152.636.508.881	1.992.820.227.026
I. Nợ ngắn hạn	310		1.953.279.777.983	1.869.699.422.684
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	665.878.629.117	610.051.831.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.704.311.057	109.148.123.978
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	348.842.935.500	382.187.805.603
4. Phải trả người lao động	314		256.538.513.838	178.323.002.524
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	154.069.227.594	143.604.819.918
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	321.963.634	4.800.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	297.097.464.039	283.393.359.461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	28.204.157.872	70.681.112.774
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2.688.451.572	2.256.812.292
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88.934.123.760	90.047.754.442
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		199.356.730.898	123.120.804.342
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	312.904.575	312.904.575
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	198.739.863.323	121.891.936.767
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	303.963.000	915.963.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.398.118.807.932	5.266.379.775.698
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.397.728.807.932	5.265.628.783.522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT
HÀ NỘI

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	1.532.691.904.862	1.540.865.646.123
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	10.737.027.465	11.432.027.465
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	859.335.903.652	722.092.432.295
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		392.130.977.241	351.385.832.337
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		467.204.926.411	370.706.599.958
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		676.963.971.953	673.238.677.639
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	750.992.176
1. Nguồn kinh phí			390.000.000	420.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			-	330.992.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.550.755.316.813	7.259.200.002.724

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc





Ngô Quế Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.665.267.313.908	8.301.777.944.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	125.249.117.734	83.365.816.073
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10	VI.3	8.540.018.196.174	8.218.412.128.598
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	6.117.858.582.947	6.026.881.693.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		2.422.159.613.227	2.191.530.434.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	218.830.190.888	177.669.945.778
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.071.042.819	5.758.925.009
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.591.462.963	2.919.404.255
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		16.717.358.039	16.464.070.603
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.467.419.363.688	1.377.780.938.100
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	602.083.076.210	513.365.466.604
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		582.133.679.437	488.759.121.443
12. Thu nhập khác	31	VI.8	37.908.660.451	29.677.221.640
13. Chi phí khác	32	VI.9	9.585.187.048	11.594.776.199
14. Lợi nhuận khác	40		28.323.473.403	18.082.445.441
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		610.457.152.840	506.841.566.884
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	114.538.511.411	117.963.752.521
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.420.327.757	(2.262.199.087)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		491.498.313.672	391.140.013.450
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	61		467.204.926.411	370.706.599.958
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		24.293.387.261	20.433.413.492
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.016	1.599
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.016	1.599



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thu Trang

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		610.457.152.840	506.841.566.884
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		260.120.539.521	383.094.400.520
- Các khoản dự phòng	03		95.036.104	(1.724.321.213)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		70.687.899	(156.097.946)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(220.989.882.202)	(175.523.452.029)
- Chi phí lãi vay	06		1.591.462.963	2.919.404.255
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		651.344.997.125	715.451.500.471
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(92.409.207.187)	192.612.731.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.250.672.328	3.796.078.694
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		201.979.427.793	196.975.249.069
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(76.283.319.850)	(18.929.309.724)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.645.162.906)	(2.891.144.515)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(155.472.388.167)	(19.047.780.991)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(37.247.636.203)	(123.213.833.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		540.517.382.933	944.753.490.852
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(86.976.949.544)	(70.838.090.387)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.108.387.737	714.400.480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.189.567.249.958)	(4.737.058.055.283)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.631.526.982.868	3.963.147.839.754
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.717.473.317	161.650.889.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(453.191.355.580)	(682.383.016.240)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		272.257.195.731	348.373.144.518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(315.346.150.633)	(394.083.167.974)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(278.445.127.145)	(345.280.863.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(321.534.082.047)	(390.990.887.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(234.208.054.694)	(128.620.412.554)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.036.109.602.407	1.164.573.830.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(83.234.777)	156.184.676
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	801.818.312.936	1.036.109.602.407

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm



183
G
H
T
C
A
183

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 509 người (ngày 31/12/2024 là 515 người).

Tổng số các Công ty con : 16

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 16

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐPTT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Tổng Công ty ghi nhận từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

c) Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng được xem là đáng kể khi tỷ lệ quyền biểu quyết trên 20% và dưới 50% tại đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty tại công ty liên kết sau khi mua theo giá trị tài sản thuần. Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong giá trị còn lại của khoản đầu tư, không được phân bổ hàng năm mà chỉ thực hiện đánh giá xem khoản lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.
- e) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.
- 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
- Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
- Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
 - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.
- 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:
- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
- 8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình**
- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

12. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

13. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Tổng Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	5.355.983.797	5.597.699.486
Tiền gửi ngân hàng	190.462.329.139	542.681.902.921
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	606.000.000.000	487.830.000.000
Cộng	801.818.312.936	1.036.109.602.407

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	4.056.040.179.419	4.056.040.179.419	3.297.999.912.329	3.297.999.912.329
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	4.056.040.179.419	4.056.040.179.419	3.297.999.912.329	3.297.999.912.329
- Dài hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	4.056.040.179.419	4.056.040.179.419	3.497.999.912.329	3.497.999.912.329

(*) Ghi chú: Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 31/12/2025 là 384.900.000 VND để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Đối tượng	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	14.135.954.054	28,10%	13.999.939.596
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	7.039.149.766	28,00%	6.731.760.694
Công ty CP Dầu tư Phát triển Habeco	45,00%	17.840.082.784	45,00%	17.858.418.476
Công ty CP Harec Dầu tư và Thương mại	40,00%	53.419.046.526	40,00%	53.455.009.361
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	124.149.027.240	27,21%	121.104.817.383
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	23.123.675.004	44,22%	22.483.092.280
Cộng		239.706.935.374		235.633.037.790
Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.				
c) Đầu tư vào đơn vị khác				
Đối tượng	Cuối năm	Đầu năm	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	10.500.000.000	12,50%	10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.386.341.596		2.712.958.040
Giá trị thuần		41.363.658.404		41.037.041.960
Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.				

/// - IE, . C \\25

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	198.926.898.328	145.074.290.970
Công ty TNHH Khiêm Nga	3.211.001.694	5.407.460.448
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Dịch vụ Đại Thắng	3.863.827.060	10.312.791.060
Công ty TNHH TM Thực phẩm & Đồ uống Thái Bình Dương	56.926.282.616	-
Phải thu đối tượng khác	134.925.786.958	129.354.039.462
b) Dài hạn	-	-
Cộng	198.926.898.328	145.074.290.970
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.		
4. Phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	135.937.723.936	92.949.593.791
Phải thu cước bao bì vỏ chai kết	3.626.000.069	2.355.040.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	90.249.297.822	61.241.094.362
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.249.999.096	3.747.434.313
Phải thu khác	38.812.426.949	25.606.025.116
b) Dài hạn	236.800.000	231.800.000
Ký cược kỳ quỹ dài hạn	226.800.000	221.800.000
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	136.174.523.936	93.181.393.791
c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.		

5. Nợ xấu	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty CP Sửa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285	
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499	
Công ty TNHH Trường Quang II	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280	
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	
Các đối tượng khác	10.422.712.587	10.422.712.587	10.843.667.709	10.740.671.709	
Cộng	23.757.786.234	23.757.786.234	24.178.741.356	24.075.745.356	
6. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	-	-	257.660.000	-	
Nguyên liệu, vật liệu	322.986.058.383	12.536.692.643	273.484.053.222	12.786.149.685	
Công cụ, dụng cụ	101.076.079.877	3.582.631.022	116.747.422.981	3.805.534.996	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	99.322.955.249	128.484.306	112.196.806.097	54.616.920	
Thành phẩm	128.887.707.765	2.635.683.556	157.049.198.691	1.929.217.536	
Hàng hoá	31.976.789.257	-	72.751.075.250	-	
Hàng gửi bán	62.400.995	-	7.716.099	-	
Cộng	684.311.991.526	18.883.491.527	732.493.932.340	18.575.519.137	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn
Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Dự án nhà văn phòng tại Hồng Hà	-	5.338.684.511
- Dự án cải tạo hệ thống thu gom nước thải tách mưa	2.404.458.056	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1 Hội trường Tổng công ty	13.301.979	3.105.242.629
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	6.560.442.432	8.391.251.890
Cộng	8.978.202.467	16.835.179.030

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	1.952.933.314.787	7.155.183.152.157	225.151.994.462	161.691.366.279	11.670.321.749	9.506.630.149.434	
Số tăng trong năm	17.887.408.866	46.744.003.328	8.422.307.203	10.982.215.506	76.747.593	84.112.682.496	
- Mua sắm mới	783.776.984	46.744.003.328	8.422.307.203	10.982.215.506	76.747.593	67.009.050.614	
- TSCĐ hình thành từ XDCB	17.103.631.882	-	-	-	-	17.103.631.882	
Số giảm trong năm	13.007.487.342	37.742.917.906	14.005.494.410	16.767.100.035	-	81.522.999.693	
- Thanh lý nhượng bán	1.978.067.469	37.742.917.906	14.005.494.410	1.551.783.526	-	55.278.263.311	
- Giảm khác	11.029.419.873	-	-	15.215.316.509	-	26.244.736.382	
Số dư cuối năm	1.957.813.236.311	7.164.184.237.579	219.568.807.255	155.906.481.750	11.747.069.342	9.509.219.832.237	
Giá trị đã hao mòn	1.397.130.108.933	6.638.502.611.311	195.689.016.814	147.315.732.780	8.927.472.967	8.387.564.942.805	
Số dư đầu năm	70.667.466.664	155.260.079.320	9.468.552.124	7.601.361.240	877.648.393	243.875.107.741	
Khấu hao trong năm	7.041.253.679	37.699.496.662	13.718.654.653	16.503.742.409	-	74.963.147.403	
Giảm trong năm	1.719.720.777	37.699.496.662	13.718.654.653	1.551.783.526	-	54.689.655.618	
- Thanh lý nhượng bán	5.321.532.902	-	-	14.951.958.883	-	20.273.491.785	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	1.460.756.321.918	6.756.063.193.969	191.438.914.285	138.413.351.611	9.805.121.360	8.556.476.903.143	
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	555.803.205.854	516.680.540.846	29.462.977.648	14.375.633.499	2.742.848.782	1.119.065.206.629	
Tại ngày đầu năm	497.056.914.393	408.121.043.610	28.129.892.970	17.493.130.139	1.941.947.982	952.742.929.094	
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-	

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.988.507.459.771 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 96.251.648.656 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	48.065.300.710	126.383.789.703	1.130.171.867	175.579.262.280	
Số tăng trong năm	-	9.494.116.518	-	9.494.116.518	
Số giảm trong năm	307.013.000	-	734.088.110	1.041.101.110	
Số dư cuối năm	47.758.287.710	135.877.906.221	396.083.757	184.032.277.688	
Giá trị đã hao mòn	512.311.618	98.719.524.677	1.130.171.867	100.362.008.162	
Số dư đầu năm	4.798.694	14.726.024.857	-	14.730.823.551	
Khấu hao trong năm	118.541.143	-	734.088.110	852.629.253	
Số dư cuối năm	398.569.169	113.445.549.534	396.083.757	114.240.202.460	
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình	47.552.989.092	27.664.265.026	-	75.217.254.118	
Tại ngày đầu năm	47.359.718.541	22.432.356.687	-	69.792.075.228	
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 79.573.849.073 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm	Đơn vị tính: VND
Quyền sử dụng đất	12.418.243.746	1.490.381.782	-	13.908.625.528	
Nhà	12.418.243.746	1.490.381.782	-	13.908.625.528	
Giá trị hao mòn lũy kế	9.536.735.006	1.519.843.496	-	11.056.578.502	
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	
Nhà	9.536.735.006	1.519.843.496	-	11.056.578.502	
Giá trị còn lại	2.881.508.740	-	-	2.852.047.026	
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	
Nhà	2.881.508.740	-	-	2.852.047.026	

(*) Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

11. Thuế thu nhập hoãn lại		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và hợp nhất	2.665.020.748	7.085.348.505
Cộng	2.665.020.748	7.085.348.505
12. Chi phí trả trước		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	25.084.067.765	31.263.540.647
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	10.217.270.511	8.314.996.425
Chi phí biên hiệu, vật dụng quảng cáo	1.662.638.636	2.638.983.439
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.204.158.618	20.309.560.783
b) Dài hạn	287.516.499.374	205.053.706.642
Chi phí thuê đất trả trước	70.386.764.805	73.068.351.903
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	96.784.643.792	39.811.881.838
Chi phí giải phòng mặt bằng	9.933.545.043	10.288.805.583
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	78.802.296.725	59.212.772.077
Chi phí sửa chữa tài sản	19.911.184.342	13.864.410.119
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.698.064.667	8.807.485.122
Cộng	312.600.567.139	236.317.247.289

1388
NG
NHI
M TC
IVA
P. HỒ

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị		Tăng		Giảm		Giá trị	
	Số có khả năng Trả nợ		Số có khả năng Trả nợ		Số có khả năng Trả nợ		Số có khả năng Trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	70.681.112.774	70.681.112.774	272.869.195.731	315.346.150.633	28.204.157.872	28.204.157.872	28.204.157.872	28.204.157.872
Vay ngắn hạn	70.069.112.774	70.069.112.774	272.257.195.731	314.734.150.633	27.592.157.872	27.592.157.872	27.592.157.872	27.592.157.872
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	18.236.545.731	18.236.545.731	66.861.864.781	85.098.410.512	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a1)	-	-	13.000.000.000	8.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Quân Đội	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a2)	51.832.567.043	51.832.567.043	134.016.994.328	179.657.403.499	6.192.157.872	6.192.157.872	6.192.157.872	6.192.157.872
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a3)	-	-	56.378.336.622	39.978.336.622	16.400.000.000	16.400.000.000	16.400.000.000	16.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (b1)	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000
b) Vay dài hạn	915.963.000	915.963.000	-	612.000.000	612.000.000	303.963.000	303.963.000	303.963.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (b1)	915.963.000	915.963.000	-	612.000.000	612.000.000	303.963.000	303.963.000	303.963.000
Cộng	71.597.075.774	71.597.075.774	272.869.195.731	315.958.150.633	28.508.120.872	28.508.120.872	28.508.120.872	28.508.120.872

(a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025. Hạn mức 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay quy định tại Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn kèm theo hợp đồng vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025.

- (a2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT136 - BIATHAIBINH ngày 22/07/2025. Hạn mức 25.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 22/07/2026. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay quy định tại điều 5 Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT136 - BIATHAIBINH ngày 22/07/2025. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 6.192.157.872 đồng.
- (a3) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Trảng Tiển theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2025/21386439/HĐTD ngày 31/10/2025. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/21386439/TC/HĐBD ngày 24/10/2025. Số dư nợ vay tại 31/12/2025 là 16.400.000.000 đồng.
- (b1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2024/HĐCVDADT/NHCT136 - BIATHAIBINH ngày 07/06/2024. Số tiền vay 1.833.963.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất theo quy định ngân hàng. Mục đích vay là để bổ sung vốn đầu tư tài sản của Công ty. Tài sản đảm bảo cho khoản vay quy định tại điều 5 Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2024/HĐCVDADT/NHCT136 - BIATHAIBINH ngày 07/06/2024. Số dư nợ vay tại 31/12/2025 là 915.963.000 đồng, trong đó số được phân loại đến hạn trả là 612.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	665.878.629.117	665.878.629.117	610.051.831.692	610.051.831.692	
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	48.379.003.272	48.379.003.272	22.489.710.080	22.489.710.080	
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	957.463.135	957.463.135	2.714.480.970	2.714.480.970	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	26.021.118.325	26.021.118.325	25.026.199.396	25.026.199.396	
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	24.083.395.685	24.083.395.685	-	-	
Công ty CP Vận tải Habeco	2.148.416.204	2.148.416.204	8.032.445.316	8.032.445.316	
Công ty TNHH đầu tư và sản xuất Đại Việt	18.003.312.049	18.003.312.049	27.977.580.158	27.977.580.158	
Công ty CP sáng tạo và giải pháp truyền thông số Á Châu	-	-	13.734.480.793	13.734.480.793	
Phải trả đối tượng khác	546.285.920.447	546.285.920.447	510.076.934.979	510.076.934.979	
b) Dài hạn	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575	
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329	
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600	
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000	
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000	
Phải trả đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646	
Cộng	666.191.533.692	666.191.533.692	610.364.736.267	610.364.736.267	

- c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.
- d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.



15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND			
	Đầu năm	Phải nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp			
Thuế giá trị gia tăng	382.187.805.603	4.093.286.125.771	348.842.935.500
Thuế GTGT tăng hàng nhập khẩu	34.304.307.326	577.238.085.448	33.166.250.312
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.368.589.829	-
Thuế xuất nhập khẩu	294.687.509.901	3.346.473.607.481	302.803.868.961
Thuế thu nhập cá nhân	-	552.210.602	-
Thuế tài nguyên	2.341.360.419	29.300.896.254	3.506.916.100
Thuế đất, tiền thuê đất	135.114.136	1.981.876.411	124.056.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.090.763.483	16.225.055.948	1.999.653.564
Thuế khác	45.233.628.663	114.538.511.411	4.299.751.907
	3.395.121.675	1.607.292.387	2.942.437.771
b) Phải thu			
Thuế giá trị gia tăng	6.310.967.036	39.919.420.788	11.626.646.683
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	1.116.082.798	23.012.979.341	503.103.457
Thuế thu nhập cá nhân	669.674.727	669.674.727	-
Thuế tài nguyên	1.715.182.964	965.206.579	1.437.296.002
Thuế đất, thuế đất	2.881.430	-	2.881.430
Thuế khác	2.799.637.674	14.609.536.533	9.675.858.351
	7.507.443	662.023.608	7.507.443

305
C
KIỂM
1-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	154.069.227.594	143.604.819.918
Chi phí bán hàng	127.661.663.491	122.208.701.993
Chi phí lãi vay	19.872.353	73.572.296
Chi phí xây dựng cơ bản	1.383.512.697	9.428.343.296
Chi phí phải trả khác	25.004.179.053	11.894.202.333
b) Dài hạn	-	-
Cộng	154.069.227.594	143.604.819.918

17. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	297.097.464.039	283.393.359.461
Kinh phí công đoàn	3.286.263.864	1.761.358.677
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	37.616.600	38.155.398
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	152.281.971.706	155.036.005.141
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	72.452.735.409	71.108.398.734
Các khoản phải trả phải nộp khác	69.038.876.460	55.449.441.511
b) Dài hạn	198.739.863.323	121.891.936.767
Nhận ký quỹ ký cược	192.548.519.177	115.961.651.749
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
Các khoản phải trả phải nộp khác	962.002.788	700.943.660
Cộng	495.837.327.362	405.285.296.228
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.		
d) Phải trả khác là các bên liên quan: Không có.		

18. Dự phòng phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.688.451.572	2.256.812.292
Dự phòng phải trả khác	2.688.451.572	2.256.812.292
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.688.451.572	2.256.812.292

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	321.963.634	4.800.000
Khoản thu trước tiền cho thuê văn phòng, thuê kho	321.963.634	4.800.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	321.963.634	4.800.000

CHỈ DẪN TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Số dư đầu năm trước	2.318.000.000.000	1.544.268.440.943	11.698.027.465	760.005.147.176		
Lãi trong năm trước				370.706.599.958		
Trích lập quỹ ĐTPT từ lợi nhuận các năm trước		970.020.000		(970.020.000)		
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước				(64.322.109.659)		
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(347.700.000.000)		
Chuyển quỹ ĐTPT tại công ty con		(4.372.814.820)		4.372.814.820		
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(266.000.000)			
Số dư cuối năm trước	2.318.000.000.000	1.540.865.646.123	11.432.027.465	722.092.432.295		
Số dư đầu năm nay	2.318.000.000.000	1.540.865.646.123	11.432.027.465	722.092.432.295		
Lãi trong năm nay				467.204.926.411		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận các năm trước				(71.565.196.315)		
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(266.570.000.000)		
Chuyển quỹ ĐTPT tại công ty con		(8.173.741.261)		8.173.741.261		
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(695.000.000)			
Số dư cuối năm nay	2.318.000.000.000	1.532.691.904.862	10.737.027.465	859.335.903.652		



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	490.557,50	484.258,67
- EUR	176,04	3.937,32
Nợ khó đòi đã xử lý	2.117.816.500	2.088.282.433



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	8.611.869.558.925	8.132.867.805.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	53.397.754.983	168.910.138.966
Cộng	8.665.267.313.908	8.301.777.944.671

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	124.856.911.140	83.365.816.073
Hàng bán bị trả lại	392.206.594	-
Cộng	125.249.117.734	83.365.816.073

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	8.486.620.441.191	8.049.501.989.632
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	53.397.754.983	168.910.138.966
Cộng	8.540.018.196.174	8.218.412.128.598

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	6.117.858.582.947	6.026.881.693.823
Cộng	6.117.858.582.947	6.026.881.693.823

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi tiền, cho vay	212.931.806.777	173.616.420.464
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.104.514.111	3.318.325.314
Cổ tức lợi nhuận được chia	793.870.000	735.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	200.000
Cộng	218.830.190.888	177.669.945.778

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.591.462.963	2.919.404.255
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(326.616.444)	172.864.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.806.196.300	2.666.655.932
Cộng	6.071.042.819	5.758.925.009

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	1.467.419.363.688	1.377.780.938.100
Chi phí nhân viên	234.723.537.148	180.553.354.880
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	106.770.800.288	69.653.204.478
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	93.135.054.325	99.109.938.408
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	723.828.620.901	713.682.810.390
Chi phí khác	308.961.351.026	314.781.629.944
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	602.083.076.210	513.365.466.604
Chi phí nhân viên	284.999.745.204	218.946.871.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.418.652.999	43.156.798.520
Chi phí tiền thuê đất	28.906.380.201	33.972.599.195
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	242.758.297.806	217.289.197.807

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có.

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản	7.439.812.033	1.172.031.565
Thu nhập bán bã bia	8.740.808.400	9.766.263.975
Thu phạt bồi thường	1.436.453.345	2.893.564.549
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	4.167.905.859	3.911.588.930
Thu nhập khác	16.123.680.814	11.933.772.621
Cộng	37.908.660.451	29.677.221.640

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	741.430.525	5.136.631.995
Chi phí thanh lý tài sản	5.378.526.492	-
Chi phí vỏ chai	191.645.453	561.850.000
Chi phí khác	3.273.584.578	5.896.294.204
Cộng	9.585.187.048	11.594.776.199

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	610.457.152.840	506.841.566.884
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(40.035.425.390)	34.005.003.452
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.923.470.614	37.392.708.649
- Các khoản điều chỉnh giảm	60.958.896.004	3.387.705.197
Tổng thu nhập chịu thuế	570.421.727.450	540.846.570.336
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	114.084.345.489	108.169.314.067
Thuế TNDN được giảm tại công ty con	-	924.639.905
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	454.165.922	10.719.078.359
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	114.538.511.411	117.963.752.521

11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

188.
G
H
TC
JA
HO

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	467.204.926.411	370.706.599.958
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	467.204.926.411	370.706.599.958
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.016	1.599
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.016	1.599

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu, CCDC	2.643.517.950.030	2.655.262.144.320
Chi phí nhân công	741.692.696.649	618.745.956.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.120.539.521	383.094.400.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.124.759.511.213	1.002.944.593.164
Chi phí khác	626.155.072.483	681.256.950.414
Cộng	5.396.245.769.896	5.341.304.044.459

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan có phát sinh giao dịch

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay Đơn vị tính: VND	Năm trước
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Mua hàng hóa	5.973.103.040	-
	Bán vật tư, hàng hóa	4.138.755.911	627.666.000
	Bán quyền nhãn hiệu	4.038.893.280	4.840.812.720
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cho thuê mặt bằng	1.123.200.000	1.123.200.000
	Cước vận chuyển, bốc xếp	25.413.465.112	29.281.039.592
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán phế liệu	243.704.500	286.592.440
	Mua vỏ chai	1.705.827.600	1.656.148.680
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua vật tư bao bì	87.271.642.526	85.399.942.650
	Điện, nước và khác	78.208.000	73.648.584
	Chi phí khác	18.000.000	-

Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	44.132.813	116.024.461
	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	(166.536.240)
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	1.779.539.216	925.185.250
	Mua hàng hóa	(2.542.100.000)	-
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Phải trả cước vận tải	(2.148.416.204)	(8.032.445.316)
Công ty CP Bao bì Habeco	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	24.122.880	17.421.600
	Phải trả tiền mua hàng hóa	(6.050.229.099)	(14.191.151.735)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	1.391.640.000	1.190.400.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	192.000.000	163.200.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	192.000.000	163.200.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	192.000.000	163.200.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	192.000.000	163.200.000
Bà Quán Lê Hà	Thành viên	192.000.000	163.200.000
Ông Trần Danh Đăng	Thành viên	192.000.000	163.200.000

Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát

Bà Chữ Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	979.200.000	748.800.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	192.000.000	96.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	192.000.000	96.000.000

Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	1.898.127.000	1.075.200.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		7.323.588.000	4.089.600.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2), thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.8) và tại thời điểm 31/12/2025 Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	1.864.023.690.589	199.356.730.898	2.063.380.421.487
Phải trả người bán	665.878.629.117	312.904.575	666.191.533.692
Vay và nợ thuê tài chính	28.204.157.872	303.963.000	28.508.120.872
Chi phí phải trả	154.069.227.594	-	154.069.227.594
Các khoản phải trả khác	1.015.871.676.006	198.739.863.323	1.214.611.539.329
Số đầu năm	1.779.646.868.242	123.120.804.342	1.902.767.672.584
Phải trả người bán	610.051.831.692	312.904.575	610.364.736.267
Vay và nợ thuê tài chính	70.681.112.774	915.963.000	71.597.075.774
Chi phí phải trả	143.604.819.918	-	143.604.819.918
Các khoản phải trả khác	955.309.103.858	121.891.936.767	1.077.201.040.625

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

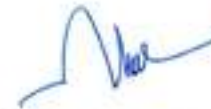
Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc




Ngô Quế Lâm

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được HABECO công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: www.habeco.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HABECO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Trần Đình Thanh



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
TEL: 024 3845 3843 FAX: 024 3722 3784 www.habeco.com.vn